



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0031969

(51)⁷ A61F 13/15; A61F 13/49

(13) B

(21) 1-2015-01438

(22) 27/09/2013

(86) PCT/JP2013/076399 27/09/2013

(87) WO2014/051105 03/04/2014

(30) 2012-218839 28/09/2012 JP

(45) 25/05/2022 410

(43) 27/07/2015 328A

(73) UNICHARM CORPORATION (JP)

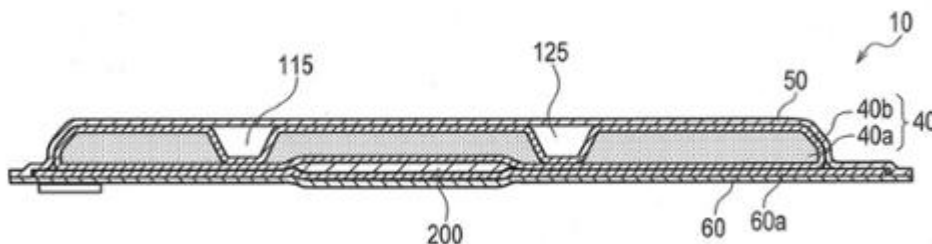
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, Japan

(72) SAKAGUCHI, Satoru (JP); YAMANAKA, Yasuhiro (JP); SAWA, Kana (JP).

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) TẤ LÓT DỪNG MỘT LẦN

(57) Sáng chế đề cập đến tã lót dùng một lần. Tã lót dùng một lần (10) theo sáng chế bao gồm các hình trang trí (300a, 300b) mà có thể phân biệt được bằng mắt thường từ phía bề mặt không tiếp xúc với da S của tã lót dùng một lần (10) được bố trí ở vùng ngang qua vùng đũng (25) và kéo dài đến vùng cạp phía trước (20) và vùng cạp phía sau (30). Hình trang trí (300b) được bố trí ở vùng gần với phía vùng cạp phía trước (20) hơn so với bộ phận làm giãn đũng (200a) được tạo kết cấu để khác với hình trang trí (300a) mà được bố trí ở vùng gần với phía vùng cạp phía sau (30) hơn so với bộ phận làm giãn đũng (200a).



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến tã lót dùng một lần.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Thông thường, tã lót dùng một lần đã biết có vùng cạp phía trước, vùng cạp phía sau, và vùng đũng được định vị giữa vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau, tã lót dùng một lần có cặp lỗ xỏ chân trong khi bao gồm chi tiết thấm hút mở rộng ngang qua vùng đũng để kéo dài về phía vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau.

Ở đây, tài liệu sáng chế 1 mô tả giải pháp kỹ thuật tạo ra tã lót dùng một lần như thế có hình trang trí để giúp người hỗ trợ mặc tã lót dùng một lần vào người mặc.

Tài liệu viện dẫn

Tài liệu sáng chế 1: Bằng sáng chế Nhật Bản số 4223405.

Tuy nhiên, hình trang trí được tạo ra cho tã lót dùng một lần được mô tả trong tài liệu sáng chế 1 được đề xuất mà không xem xét đến chức năng của tã lót dùng một lần này và vị trí mặc thích hợp vào cơ thể của người mặc, vì vậy ngay cả khi người hỗ trợ mặc cố gắng mặc tã lót dùng một lần được mô tả theo tài liệu sáng chế 1 vào người mặc bằng cách tham khảo hình trang trí, thì vẫn tồn tại vấn đề là họ không thể mặc tã lót dùng một lần này ở vị trí phù hợp vào cơ thể của người mặc.

Có nghĩa là, tồn tại vấn đề là hình trang trí được tạo ra cho tã lót dùng một lần này và vị trí mặc thích hợp vào cơ thể của người mặc không tương ứng với nhau; ngược lại, hình trang trí này tạo ra cảm giác là tã lót dùng một lần không được mặc đúng cách.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Sáng chế đã đạt được khi xem xét các tình huống như thế, và mục đích của sáng chế là đề xuất tã lót dùng một lần mà có thể được mặc ở vị trí phù hợp vào cơ thể của người mặc với sự tham khảo đến hình trang trí.

Khía cạnh thứ nhất của sáng chế này được tóm lược là tã lót dùng một lần bao gồm vùng cạp phía trước, vùng cạp phía sau, vùng đũng được định vị giữa vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau, cặp lỗ xỏ chân, chi tiết thấm hút mở rộng ngang qua vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau, hướng chiều dài

sản phẩm kéo dài từ vùng cạp phía trước đến vùng cạp phía sau, và

hướng chiều rộng sản phẩm vuông góc với hướng chiều dài sản phẩm, trong đó:

bộ phận làm giãn vùng đũng giãn được mà được tạo ra ở vùng mà trong đó chi tiết thấm hút được bố trí tại vùng đũng được tạo ra, hình trang trí có thể nhận biết được bằng mắt thường từ phía bề mặt không tiếp xúc với da của tã lót dùng một lần được bố trí ở vùng ngang qua vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau, và hình trang trí được tạo ra ở vùng gần phía vùng cạp phía trước hơn so với bộ phận làm giãn đũng được tạo kết cấu khác với hình trang trí được tạo ra ở vùng gần phía vùng cạp phía sau hơn so với bộ phận làm giãn đũng.

Khía cạnh thứ hai của sáng chế này được tóm lược là tã lót dùng một lần bao gồm vùng cạp phía trước, vùng cạp phía sau, vùng đũng được định vị giữa vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau, cặp lỗ xỏ chân, chi tiết thấm hút mở rộng ngang qua vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau, hướng chiều dài sản phẩm kéo dài từ vùng cạp phía trước đến vùng cạp phía sau, và

hướng chiều rộng sản phẩm vuông góc với hướng chiều dài sản phẩm, bộ phận làm giãn vùng đũng giãn được mà được tạo ra ở vùng mà trong đó chi tiết thấm hút được bố trí tại vùng đũng được tạo ra, các hình trang trí mà có thể nhận biết được bằng mắt thường từ phía bề mặt không tiếp xúc với da của tã lót dùng một lần được bố trí ở vùng ngang qua vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau;

độ dài theo hướng chiều rộng sản phẩm của chi tiết thấm hút được bố trí tại vùng đũng được tạo ra nhỏ hơn độ dài theo hướng chiều rộng sản phẩm của chi tiết thấm hút được bố trí ở vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau, hình trang trí là cặp đường thẳng kéo dài theo hướng chiều dài sản phẩm, và khoảng cách giữa cặp đường thẳng được tạo kết cấu nhỏ nhất ở bộ phận làm giãn đũng.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 là hình chiếu bằng dạng trải rộng của tã lót dùng một lần theo phương án của sáng chế.

Fig.2 là hình vẽ mặt cắt ngang của tã lót dùng một lần dọc theo đường F1-F1 được thể hiện trên Fig.1.

Fig.3 là hình vẽ mặt cắt ngang của tã lót dùng một lần dọc theo đường F2-F2 được thể hiện trên Fig.1.

Fig.4 là hình vẽ minh họa hình trang trí được tạo ra cho tã lót dùng một lần theo phương án thứ nhất của sáng chế.

Fig.5 là hình vẽ thể hiện trạng thái trong đó tã lót dùng một lần theo phương án thứ nhất của sáng chế được mặc bởi người mặc.

Fig.6 là hình vẽ minh họa hình trang trí được tạo ra cho tã lót dùng một lần theo phương án thứ hai của sáng chế.

Fig.7 là hình vẽ minh họa hình trang trí được tạo ra cho tã lót dùng một lần theo phương án thứ ba của sáng chế.

Mô tả chi tiết sáng chế

Phương án thứ nhất của sáng chế

Bằng cách tham chiếu đến các hình vẽ từ Fig.1 đến Fig.5, tã lót dùng một lần 10 theo phương án thứ nhất của sáng chế sẽ được giải thích.

Trong phần mô tả dưới đây về các hình vẽ, các số chỉ dẫn giống hoặc tương tự nhau được sử dụng để chỉ dẫn các phần giống hoặc tương tự nhau. Cần phải hiểu rằng các hình vẽ được thể hiện dưới dạng sơ đồ và tỷ lệ và những thông số tương tự của mỗi kích thước là khác với các kích thước thực tế.

Theo đó, các kích thước cụ thể nên được xác định mà có sự xem xét đến phần giải thích dưới đây. Hơn nữa, trong số các hình vẽ, các mối quan hệ hoặc tỷ lệ kích thước tương ứng có thể là khác nhau.

Lưu ý rằng mặc dù việc giải thích được thực hiện bằng cách viện dẫn đến tã lót dùng một lần kiểu băng cài 10 làm ví dụ trong phương án theo sáng chế, sáng chế cũng có thể áp dụng đối với tã lót dùng một lần kiểu quần 10.

Fig.1 là hình chiếu bằng dạng trải rộng của tã lót dùng một lần 10 theo ít nhất một phương án của sáng chế. Fig.2 là hình vẽ mặt cắt ngang của tã lót dùng một lần 10 dọc theo đường F1-F1 được thể hiện trên Fig.1. Fig.3 là hình vẽ mặt cắt ngang của tã lót dùng một lần 10 dọc theo đường F2-F2 được thể hiện trên Fig.1. Fig.4 là hình vẽ minh họa hình trang trí được tạo ra cho tã lót dùng một lần theo phương án thứ nhất của sáng chế. Fig.5 là hình vẽ thể hiện trạng thái mà trong đó tã lót dùng một lần theo phương án thứ nhất của sáng chế được mặc bởi người mặc.

Nên lưu ý rằng hình chiếu bằng dạng trải rộng trên Fig.1 là sơ đồ mà trong đó

bộ phận giãn quanh chân 75 và chi tiết đàn hồi 80 của các chun phía chân 80 ở trạng thái được trải rộng sao cho các nếp nhăn không được tạo ra ở tấm phía trên 50 và các cánh bên 70, ví dụ, mà cấu thành tã lót dùng một lần 10.

Như được thể hiện trên Fig.1, tã lót dùng một lần 10 bao gồm vùng cạp phía trước 20, vùng đũng 25, và vùng cạp phía sau 30.

Ở đây, vùng cạp phía trước 20 là phần mà tiếp xúc với phần cạp phía trước (phần phía bụng) của người mặc. Ngoài ra, vùng cạp phía sau 30 là phần mà tiếp xúc với phần cạp phía sau (phần phía lưng) của người mặc. Vùng đũng 25 được định vị giữa vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30.

Theo phương án của sáng chế, hướng từ vùng cạp phía trước 20 đến vùng cạp phía sau 30 được gọi là hướng chiều dài sản phẩm L, và vuông góc với hướng chiều dài sản phẩm L được gọi là hướng chiều rộng sản phẩm W.

Ở đây, bộ phận đũng 200 được tạo ra trong vùng đũng 25, và vùng gần hơn về phía bụng của người mặc so với bộ phận đũng 200 được xác định là vùng cạp phía trước 20 trong khi vùng gần hơn về phía lưng của người mặc so với bộ phận đũng 200 được xác định là vùng cạp phía trước sau 30.

Ngoài ra, cạp lỗ xỏ chân 35 được tạo ra trong tã lót dùng một lần 10. Lỗ xỏ chân 35 được bố trí lần lượt ở các đầu bên theo hướng chiều rộng sản phẩm W của tã lót dùng một lần, và là các phần mà được bố trí dọc theo các phần lỗ xỏ chân của người mặc ở trạng thái mà tã lót dùng một lần 10 được mặc bởi người mặc.

Tã lót dùng một lần 10 bao gồm chi tiết thấm hút 40 chạy ngang qua vùng đũng 25 và kéo dài từ vùng đũng đến ít nhất một trong số vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30. Như được thể hiện trên Fig.1, chi tiết thấm hút 40 được tạo kết cấu bằng lõi thấm hút 40a và vỏ bọc lõi 40b.

Lõi thấm hút 40a giống như lõi thấm hút trong lót dùng một lần thông thường, và có thể được tạo kết cấu thích hợp bằng cách sử dụng các thành phần và các vật liệu đã biết, như bột giấy nghiền nhỏ và polyme thấm hút cao. Lõi thấm hút 40a được bọc bằng vỏ bọc lõi dạng tấm 40b.

Vỏ bọc lõi 40b là tấm dùng để bọc lõi thấm hút 40a. Một phần của ít nhất là phía bề mặt hướng vào da của vỏ bọc lõi 40b được tạo kết cấu bởi các loại vải không dệt khác nhau có tính thấm hoặc tấm giấy lụa

Ví dụ, vải không dệt thông khí, vải không dệt liên kết xe sợi hoặc vải không dệt SMS (tạo màng liên kết khi xe sợi-tạo màng liên kết nhờ thổi nóng chảy-tạo màng liên kết khi xe sợi) có khối lượng cơ sở nằm trong khoảng từ 10 đến 30 g/m², hoặc tấm giấy lụa có khối lượng cơ sở nằm trong khoảng từ 10 đến 30 g/m² có thể được sử dụng làm tấm dùng làm vỏ bọc lõi 40b.

Như được thể hiện trên Fig.2 và 3, ở phía trên (phía bề mặt tiếp xúc với da) của chi tiết thấm hút 40 được bố trí tấm phía trên thấm được chất lỏng 50. Ngoài ra, ở phía dưới (phía bề mặt không tiếp xúc với da) của chi tiết thấm hút 40 được bố trí tấm phía dưới không thấm được chất lỏng 60a.

Cánh bên 70 được bố trí ở mỗi bên theo hướng chiều rộng sản phẩm W của chi tiết thấm hút 40. Các cánh bên 70 được làm bằng một hoặc hai hoặc nhiều mảnh vải không dệt xếp chồng lên nhau.

Ngoài ra, như được thể hiện trên Fig.1, ở băng cài 90 được bố trí ở mỗi cặp cánh bên 70.

Băng cài 90 kéo dài dọc theo hướng chiều rộng sản phẩm W ở vùng cạp phía sau 30, và giữ tã lót dùng một lần 10 trên cơ thể của người mặc bằng cách được cố định vào bộ phận đích cài 95 của vùng cạp phía trước.

Các bộ phận đích cài 95 được bố trí tại bề mặt không tiếp xúc với da ở vùng cạp phía trước 20 và được tạo kết cấu sao cho cặp băng cài 90 lần lượt được cố định trên đó.

Theo phương án của sáng chế, bộ phận hãm thất lưng được tạo ra từ vùng cạp phía trước 20, vùng cạp phía sau 30, và các băng cài 90.

Ở đây, bộ phận hãm thất lưng ở vùng cạp phía sau 30 tương ứng với khoảng kéo dài theo hướng chiều rộng từ vùng có các chi tiết gài của các băng cài 90. Bộ phận hãm thất lưng ở vùng cạp phía trước 20 tương ứng với vùng kéo dài theo hướng chiều rộng từ vùng có các bộ phận đích cài 95.

Ngoài ra, như được thể hiện trên Fig.1, tã lót dùng một lần 10 theo phương án của sáng chế bao gồm bộ phận làm giãn dãn 200a mà được tạo ra ở vùng dãn 25 và giãn được.

Cụ thể là, bộ phận làm giãn dãn 200a được tạo ra trong bộ phận dãn 200, cụ thể hơn là, trong vùng được bố trí chi tiết thấm hút trong đó chi tiết thấm hút 40 được

bố trí trong vùng đũng 25. Lưu ý rằng kết cấu của bộ phận làm giãn đũng 200a sẽ được giải thích chi tiết sau.

Ngoài ra, như được thể hiện trên Fig.1, phía bề mặt của chi tiết thấm hút 40 (phía tấm phía trên 50) bao gồm cặp bộ phận giãn quanh chân (các chun chân) 75 mà được tạo ra dọc theo lỗ xỏ chân 35 và ít nhất là giãn được theo hướng chiều dài sản phẩm L.

Bộ phận giãn quanh chân 75 được tạo kết cấu để dài hơn bộ phận làm giãn đũng 200a theo hướng chiều dài sản phẩm L, và được bố trí ở phía bên ngoài từ bộ phận làm giãn đũng 200a theo hướng chiều rộng sản phẩm W.

Cần phải lưu ý rằng khi bộ phận giãn quanh chân 75 được tạo kết cấu đủ sao cho lỗ xỏ chân 35 giãn được theo hướng chiều dài sản phẩm, và bộ phận giãn quanh chân có thể được bố trí dọc theo lỗ xỏ chân 35, hoặc một số bộ phận giãn quanh chân có thể được bố trí ở trạng thái nghiêng so với lỗ xỏ chân 35.

Ngoài ra, bộ phận giãn quanh chân 75 tương ứng với phần mà về cơ bản là được co theo hướng chiều dài sản phẩm nhờ tấm giãn được hoặc tương tự, và có thể được hiểu là phần không bao gồm phần mà trong đó tấm giãn được được bố trí ở trạng thái không thể hiện lực co.

Kết cấu của bộ phận giãn quanh chân 75 được mô tả chi tiết sau.

Chun phía chân 80

Ngoài ra, cặp chun phía chân 80 kéo dài dọc theo hướng chiều dài sản phẩm L có thể được bố trí ở phía bên trong của cặp bộ phận giãn quanh chân 75 (gần hơn với vùng trung tâm theo hướng chiều rộng sản phẩm W).

Các chun phía chân 80, mà được bố trí ở các đầu bên trong theo hướng chiều rộng sản phẩm W của các cánh bên 70, là các phần chun giãn được theo phương thẳng đứng được bố trí ở phía bên trong theo hướng chiều rộng sản phẩm từ bộ phận giãn quanh chân 75.

Các chun phía chân 80 có thể áp dụng kết cấu đã biết thông thường. Cụ thể là, các chun phía chân 80 có thể được tạo ra từ chi tiết dạng tấm mà khác với cánh bên 70.

Các cánh bên được gấp ngược lại về phía của tấm phía trên ở các đầu bên trong theo hướng chiều rộng sản phẩm và được tạo ra bằng cách cán ép hai lớp. Như được thể hiện trên Fig.2, chi tiết đàn hồi 71 (xem, Fig.2) ở trạng thái được kéo giãn ra ngoài theo

hướng chiều dài sản phẩm L được bố trí giữa chi tiết được cán ép của cánh bên 70 như được thể hiện trên Fig.2. Các chun phía chân 80 được cấu thành từ các cánh bên 70 và các chi tiết đàn hồi 71.

Mỗi chun phía chân 80 có phần nối 81 để được nối với tấm phía trên 50 hoặc tấm phía dưới 60a, và phần đầu tự do 82 có chi tiết đàn hồi được bố trí trên đó.

Phần trung tâm của phần đầu tự do 82 theo hướng hướng chiều dài được co theo hướng hướng chiều dài sản phẩm bằng chi tiết đàn hồi 71 và cấu thành nên chi tiết co 84.

Khi tã lót dùng một lần được mặc, mỗi chun phía chân 80 dựng lên với phần nối 81 làm đầu cơ sở, và chi tiết co 84 của phần đầu tự do 82, ở trên cùng, tiếp xúc với da của người mặc. Có nghĩa là, phần nối đóng vai trò làm đầu cơ sở cho bộ phận giãn phía chân dựng lên.

Lưu ý rằng chi tiết co 84 là phần mà trên thực tế là được co theo hướng chiều dài sản phẩm nhờ chi tiết đàn hồi 71 và là khái niệm không bao gồm phần trong đó chi tiết đàn hồi 71 được bố trí mà không có lực co tác dụng.

Ngoài ra, phần nối 81 mà trong đó cánh bên 70 và tấm phía trên 50 (hoặc tấm phía dưới 60a hoặc tấm tương tự) được nối với nhau ở chun phía chân được đánh dấu bằng các đường chéo và được thể hiện trên Fig.2.

Nhiều phần nối 81 được bố trí, trong đó phần nối thứ nhất 81A được bố trí ở phía bên ngoài theo hướng chiều dài sản phẩm của chi tiết co 84 trong khi phần nối thứ hai 81B được bố trí ở phía bên ngoài theo hướng chiều rộng sản phẩm của chi tiết co 84.

Do đó, mỗi chun phía chân 80 được tạo kết cấu sao cho phần trung tâm bao gồm vùng dững 25 theo hướng chiều dài sản phẩm dựng lên về phía người mặc.

Trong số các phần nối 81 của các chun phía chân 80, phần nối thứ nhất 81A được bố trí ở phía bên ngoài theo hướng chiều dài sản phẩm của chi tiết co 84 được nối với tấm phía trên 50.

Trong số các phần nối 81 của các chun phía chân 80, phần nối thứ hai 81B được bố trí ở phía bên ngoài theo hướng chiều rộng sản phẩm của chi tiết co 84 được bố trí giữa bộ phận làm giãn dững 200a và bộ phận giãn quanh chân 75 theo hướng chiều rộng sản phẩm W.

Toàn bộ chiều dài theo hướng chiều dài sản phẩm của phần nối thứ hai 81B được

nối với tấm phía dưới 60a (và gắn một phần với tấm bên ngoài 60). Tấm phía dưới 60a, mà được bố trí giữa chi tiết thấm hút 40 và tấm bên ngoài 60 có chức năng như tấm ngăn rò rỉ.

Các kiểu kết cấu khác nhau có thể được áp dụng cho phần nối 81 của các chun phía chân 80. Phần nối, ví dụ, được tạo kết cấu để là đầu gần như thẳng đứng, và có thể là một phần kéo dài từ vùng đứng 25 đến vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau theo hướng chiều dài sản phẩm và được nối với tấm phía trên, hoặc một phần được nối với tấm phía dưới thấm được chất lỏng và tấm bên ngoài ở phía bên ngoài theo hướng chiều rộng từ lõi thấm hút 40a.

Ngoài ra, các chun phía chân không bị giới hạn ở kết cấu nêu trên miễn là các chun phía chân này là các phần chun thẳng đứng được bố trí ở phía bên trong theo hướng chiều rộng sản phẩm từ bộ phận giãn quanh chân, và kết cấu bất kỳ của các chun phía chân mà đã biết trong lĩnh vực kỹ thuật thông thường có thể chắc chắn được áp dụng.

Bộ phận làm giãn cạp (phần chun thất lưng) 100

Tã lót dùng một lần 10 có thể có bộ phận làm giãn cạp 100 mà có thể mở rộng và co theo hướng chiều rộng sản phẩm ở vùng cạp phía sau 30.

Cụ thể là, bộ phận làm giãn cạp 100 được bố trí giữa cặp băng cài 91 theo hướng chiều rộng sản phẩm W, và được tạo kết cấu để co khoảng cách giữa các băng cài 91 theo hướng chiều rộng sản phẩm W.

Theo phương án của sáng chế, bộ phận làm giãn cạp 100 được tạo ra từ tấm giãn. Chi tiết tạo kết cấu bộ phận làm giãn cạp 100 không bị giới hạn nhưng ưu tiên sử dụng chi tiết mỏng nhất có thể, mà có độ cứng uốn cong thấp và độ ép nhỏ theo hướng chiều rộng.

Bằng cách tạo kết cấu bộ phận làm giãn cạp 100 từ chi tiết có độ cứng uốn cong thấp, bộ phận làm giãn cạp 100 có thể dễ uốn cong dọc theo cơ thể, nhờ đó có thể vừa khít dọc theo cơ thể mà không đặt tải trọng lên cơ thể của người mặc.

Ngoài ra, bằng cách tạo ra bộ phận làm giãn cạp 100 từ chi tiết có độ ép nhỏ theo hướng chiều rộng, tã lót dùng một lần 10 có thể được ngăn chặn khỏi bị co theo hướng chiều dài sản phẩm trong trường hợp tã lót dùng một lần 10 được kéo giãn ra ngoài theo hướng chiều rộng sản phẩm, sao cho tã lót dùng một lần có thể được ngăn chặn khỏi rũ xuống phía đứng ở thất lưng của người mặc.

Theo phương án này, để làm bộ phận làm giãn cạp 100, màng giãn được có trọng lượng cơ sở nằm trong khoảng từ 20 đến 45 g/m² được sử dụng.

Sau khi được kéo dài đến mức nằm trong khoảng từ 1,25 đến 2,5 lần hướng chiều dài so với trạng thái không được kéo dài (trạng thái tự nhiên), bộ phận làm giãn cạp 100 được dính lên trên tấm bên ngoài 60 bằng chất kết dính nóng chảy hoặc quá trình xử lý nhiệt.

Theo phương án của sáng chế, bộ phận làm giãn cạp 100 được bố trí giữa tấm bên ngoài 60 và tấm phía dưới 60a. Tuy nhiên, nếu vỏ bọc lõi 40b được tạo kết cấu để kéo dài về phía bên ngoài theo hướng chiều dài sản phẩm từ lõi thấm hút 40a, bộ phận làm giãn cạp 100 có thể được bố trí giữa vỏ bọc lõi 40b và tấm phía dưới 60a (hoặc tấm bên ngoài 60).

Vị trí của bộ phận làm giãn cạp 100 không bị hạn chế cụ thể. Ngoài ra, ở vùng mà trong đó chi tiết thấm hút không được bố trí, bộ phận làm giãn cạp 100 có thể được bố trí giữa các cánh bên 70 và tấm phía dưới 60a (hoặc tấm bên ngoài 60).

Lưu ý rằng, mặc dù bộ phận làm giãn cạp 100 theo phương án của sáng chế được tạo kết cấu để được kéo giãn theo hướng chiều rộng sản phẩm W, có thể được tạo kết cấu để được kéo giãn theo cả hướng chiều rộng sản phẩm W và hướng chiều dài sản phẩm L.

Vùng có độ cứng thấp 210 ở chi tiết thấm hút 40

Ở đây, chi tiết thấm hút 40 có vùng có độ cứng thấp 210 ở vùng cạp phía sau 30, vùng có độ cứng thấp 210 có tổng trọng lượng nhỏ hơn vùng còn lại của chi tiết thấm hút 40 hoặc vùng không nằm trong lõi thấm hút 40a.

Ngoài ra, vùng có độ cứng thấp 210 được tạo ra để kéo dài lên đến vùng lân cận của đầu E9 ở phía cạp phía sau 30 theo hướng chiều dài sản phẩm L của chi tiết thấm hút 40.

Hướng chiều rộng của vùng có độ cứng thấp 210 theo hướng chiều rộng sản phẩm W trở nên rộng hơn khi đến gần đầu E9 ở phía cạp phía sau 30 theo hướng chiều dài sản phẩm L của chi tiết thấm hút 40.

Cụ thể hơn là, hình dạng của vùng có độ cứng thấp 210 có dạng hình nêm trong hình chiếu bằng của tấm lót dùng một lần.

Ngoài ra, chi tiết thấm hút 40 có vùng ngăn chặn kéo giãn 220 là vùng mà trong

đó việc éo căng theo hướng chiều rộng sản phẩm W bị ngăn chặn so với vùng khác.

Ở đây, vùng ngăn chặn kéo giãn 220 được tạo ra ở mỗi phía bên ngoài theo hướng chiều rộng sản phẩm W của vùng có độ cứng thấp 210, như được thể hiện trên Fig.1.

Ngoài ra, biên giữa vùng ngăn chặn kéo giãn 220 và vùng có độ cứng thấp 210 được tạo ra ở dạng hình cung nhô về phía vùng trung tâm theo hướng chiều rộng sản phẩm W. Ngoài ra, chi tiết thấm hút 40 được định vị bên ngoài vùng có độ cứng thấp 210 theo hướng chiều rộng sản phẩm W được tạo ra ở dạng hình thang nhô về phía đầu E9 ở phía cặp phía sau 30.

Với kết cấu như vậy, người hỗ trợ mặc có thể mừng tượng về hình dạng mông của trẻ.

Đặc biệt trong trường hợp tã lót dùng một lần 10 là tã lót dùng một lần kiểu băng cài 10, tại thời điểm trải rộng tã lót dùng một lần 10 dưới cơ thể của người mặc, lõi thấm hút 40a được đặt ở dạng nêu trên hoặc bộ phận làm giãn cặp 100 của vùng cặp phía sau 30 được đặt ở dạng nêu trên, sao cho người hỗ trợ mặc có thể được gợi nhớ về vị trí mà trong đó mông của người mặc nên được đặt, nhờ đó tã lót dùng một lần 10 có thể được đặt ở vị trí thích hợp hơn.

Lưu ý rằng bộ phận làm giãn cặp 100 và chi tiết thấm hút 40 được tạo kết cấu để ít nhất là xếp chồng lên nhau một phần trên hình chiếu bằng của tã lót dùng một lần 10.

Cụ thể là, bộ phận làm giãn cặp 100 được tạo kết cấu để xếp chồng với ít nhất một phần của vùng có độ cứng thấp 210 trên hình chiếu bằng của tã lót dùng một lần 10.

Lưu ý rằng, mặc dù bộ phận làm giãn cặp 100 được bố trí để xếp chồng với một phần của vùng có độ cứng thấp 210 theo phương án của sáng chế, nó có thể được bố trí để xếp chồng với toàn bộ vùng có độ cứng thấp 210.

Nhờ sự hình thành của vùng có độ cứng thấp 210 được mô tả nêu trên, sự kéo giãn bộ phận làm giãn cặp 100 không bị gián đoạn, và vùng có độ cứng thấp 210 được thu hẹp ngay cả khi bộ phận làm giãn cặp 100 được co lại, do đó thu hẹp khoảng cách giữa các mảnh của chi tiết thấm hút 40 bên ngoài vùng có độ cứng thấp 210 theo hướng chiều rộng sản phẩm W, sao cho chi tiết thấm hút 40 hầu như không dựng lên theo hình dạng không mong muốn.

Lưu ý rằng, khi xem xét đến việc ngăn chặn sự rò rỉ dịch thể, tốt hơn là vùng có độ cứng thấp 210 có hướng chiều rộng nhỏ hơn bộ phận làm giãn cạp 100.

Ngoài ra, khi chi tiết thấm hút 40 được co nhờ bộ phận làm giãn cạp 100 theo hướng chiều rộng sản phẩm W để thu hẹp khoảng cách giữa chi tiết của chi tiết thấm hút 40 bên ngoài vùng có độ cứng thấp 210 theo hướng chiều rộng sản phẩm W, trong vùng có độ cứng thấp 210, vùng gần với đầu E9 hơn ở phía cạp phía sau 30 được kéo mạnh gần về vùng trung tâm theo hướng chiều rộng sản phẩm W so với vùng gần với vùng đứng 25 hơn, do đó tạo sự khác biệt về lượng co theo hướng chiều rộng sản phẩm W giữa vùng sát hơn so với đầu E9 về phía cạp phía sau 30 và vùng gần với vùng đứng 25 hơn, vì vậy vùng cạp phía sau 30 dựng lên.

Có nghĩa là, vì tã lót dùng một lần 10 có bộ phận làm giãn cạp 100 mà giãn được theo hướng chiều rộng sản phẩm W, và vùng có độ cứng thấp 210 mà được tạo ra ở dạng hình nêm, dạng hình chén mà trong đó tã lót dùng một lần 10 mở rộng về phía bề mặt không tiếp xúc với da S có khả năng được tạo ra tại thời điểm mặc tã lót dùng một lần 10.

Ngoài ra, theo phương án của sáng chế, ở vùng có độ cứng thấp 210, lõi thấm hút 40a không tồn tại trong khi bộ phận làm giãn cạp 100 có tồn tại để xếp chồng với vùng có độ cứng thấp 210. Do đó, ở vùng có độ cứng thấp 210, vùng gần đầu E9 hơn ở phía cạp phía sau 30 được kéo mạnh gần về trung tâm theo hướng chiều rộng sản phẩm W so với vị trí đầu của lõi thấm hút 40a, nhờ đó làm cho vùng cạp phía sau 30 dựng lên nổi bật hơn, vì vậy việc tạo ra dạng hình chén có thể đạt được một cách ổn định hơn.

Theo phương án của sáng chế, bộ phận làm giãn cạp 100 nằm cắt ngang mép bên theo hướng chiều rộng sản phẩm W của lõi thấm hút 40a, sao cho tã lót dùng một lần 10 có thể được tạo ra ở dạng hình chén trong khi lõi thấm hút 40a ở vị trí gần đầu E9 hơn ở phía vùng cạp phía sau 30 theo hướng chiều dài sản phẩm L có thể được tạo ra để chủ động bám theo sát cơ thể của người mặc.

Ngoài ra, ít nhất một phần bộ phận làm giãn cạp 100 và vùng có độ cứng thấp 210 nằm trong vùng kéo dài từ cạp băng cài 90 theo hướng chiều rộng sản phẩm.

Do đó, thậm chí tại thời điểm khi tã lót dùng một lần 10 được mặc vào người mặc ở trạng thái mà người mặc nằm lên trên tã lót dùng một lần 10 trải ở phía dưới, bộ phận làm giãn cạp 100 nằm vượt quá mép bên theo hướng chiều rộng sản phẩm W của lõi thấm hút 40a không trải ở dưới cơ thể của người mặc.

Theo đó, mép bên của bộ phận làm giãn cặp 100 được kéo giãn ra ngoài bằng cách kéo cặp băng cài 90, điều này giúp dễ dàng làm cho vị trí sát về phía cặp có dạng hình chén được tạo ra theo cơ thể của người mặc một cách chắc chắn hơn.

Theo phương án của sáng chế, lõi thấm hút 40a bên ngoài vùng có độ cứng thấp 210 theo hướng chiều rộng sản phẩm W được tạo ra ở dạng nhô về phía vùng cặp phía sau 30. Do đó, như được mô tả nêu trên, ngoài thực tế là dạng hình chén mà trong đó tã lót dùng một lần 10 mở rộng về phía bề mặt không tiếp xúc với da S dễ dàng được tạo ra, vùng bề mặt của lõi thấm hút 40a được duy trì, vì vậy sự rò rỉ dịch thể từ đầu lõi thấm hút 40a có thể được ngăn chặn.

Theo phương án của sáng chế, vùng có độ cứng thấp 210 được tạo ra ở dạng hình nêm trên hình chiếu bằng của tã lót dùng một lần 10, và biên giữa lõi thấm hút 40a và vùng có độ cứng thấp 210 được tạo ra ở dạng hình cung để nhô về phía vùng đũng 25. Lưu ý rằng bán kính của hình cung nằm trong khoảng từ 50 mm đến 200 mm.

Do đó, độ dài (độ rộng) theo hướng chiều rộng sản phẩm W của vùng có độ cứng thấp 210 (ở trạng thái tự nhiên) trở nên lớn hơn theo cách phi tuyến tính khi tiệm cận đầu E9 ở phía cặp phía sau 30 theo hướng chiều dài sản phẩm L, nhờ đó đó làm cho vùng cặp phía sau 30 dựng lên nổi bật hơn, vì vậy dạng hình chén có thể dễ dàng được tạo ra ổn định hơn.

Ngoài ra, do biên giữa lõi thấm hút 40a và vùng có độ cứng thấp 210 được tạo ra ở dạng hình cung nhô về phía vùng đũng 25, vùng cặp phía sau 30 được tạo ra ở dạng hình chén tròn bởi vì co vùng có độ cứng thấp 210, nhờ đó thu được hình dạng mà có thể dễ dàng theo quanh hông của người mặc.

Ngoài ra, sự hình thành của vùng có độ cứng thấp 210 dẫn đến sự hình thành của hình dạng nhô về phía vùng cặp phía sau 30 tại mỗi phía trái và phải, ở đầu E9 tại phía cặp phía sau 30 của chi tiết thấm hút 40. Hình dạng của chi tiết thấm hút 40 như vậy gợi nhớ đến việc đặt mông của người mặc, do đó tạo ra hiệu quả là người hỗ trợ mặc có thể dễ dàng định vị tã lót dùng một lần 10 ở vị trí thích hợp hơn cho người mặc.

Độ cứng uốn cong của chi tiết thấm hút 40

Độ cứng uốn cong theo phương án của sáng chế dựa trên trị số độ cứng thích hợp với phương pháp Taber (JISP8125), và có thể cũng được kiểm tra bằng cách đo như được mô tả sau đây.

Đầu tiên, với tã lót dùng một lần 10 ở trạng thái được cắt rời, mẫu của phân mà độ cứng uốn cong được đo (ví dụ, chi tiết thấm hút 40) được tách biệt.

Liên quan đến mẫu này, độ dài của mẫu theo hướng chiều rộng là 70 mm, độ dài của mẫu theo hướng chiều dài sản phẩm là 38 mm. Nếu chi tiết đàn hồi giãn được bao gồm trong mẫu, chi tiết đàn hồi được loại bỏ. Bộ kiểm tra độ cứng Taber được đo bởi công ty Yasuda Seiki Seisakusho Ltd. được sử dụng dùng để đo trị số độ cứng, 10 mẫu được lấy và việc đo được tiến hành đối với mỗi mẫu, trị số trung bình được đặt làm trị số độ cứng.

Quy trình đo như được mô tả từ (a) đến (e) sau đây.

(a) Đo độ dày (A) của các mẫu được tách biệt.

(b) Tiếp theo, đặt mẫu mà mẫu này tiếp xúc với vùng trung tâm của ống cán (phía dưới) của bộ kiểm tra.

(c) Điều chỉnh khoảng phía trái phải giữa con lăn đỡ và mẫu đến $(A) \times 0,80$ (mm).

(d) Chọn thích hợp trọng lượng phụ sao cho thang tải cụ thể nằm trong khoảng từ 15 đến 85% của thang cực đại.

(e) Từng phần mẫu theo cả hai hướng trái và phải, dừng tại điểm mà 15° đường được đánh dấu đỡ và vùng trung tâm đánh dấu sự so khớp con lăn, và đọc trị số trên bộ kiểm tra. Xem xét trị số bên phía trái của thang làm (B) và trị số bên phía phải của thang làm (C).

Trị số độ cứng được tính bằng công thức sau:

Công thức: Trị số độ cứng ($\text{mN} \cdot \text{m}$) = $((B) + (C)) / 2 \times (\text{Hệ số trọng lượng phụ}) \times 9,81 \times 10^{-2}$

Nếu hướng chiều rộng 38 mm không thể đạt được đối với mẫu, thì thực hiện biến đổi mômen uốn cong có hướng chiều rộng là 38-mm.

Trị số độ cứng đo càng cao, thì độ cứng uốn cong càng cao, và trị số độ cứng càng thấp, thì độ cứng uốn cong thấp.

Kết cấu của băng cài và bộ phận đích cài

Băng cài 90 được bố trí tại vùng của các cánh bên 70 tương ứng với vùng cạp phía sau 30.

Cụ thể là, như được thể hiện trên Fig.1, băng cài 90 bao gồm tấm cơ bản 91 được nối với các cánh bên 70, và tấm đai 92 có các đai ăn khớp (không được thể hiện trong hình trang trí), và được cố định trên tấm cơ bản 91.

Tấm đai 92 là vùng có chi tiết ăn khớp và bộ phận hãm thất lưng được nêu trên là vùng kéo dài theo hướng chiều rộng từ tấm đai 92.

Tấm đai 92 được cố định (cụ thể là, được gắn) với tấm cơ bản 91.

Tốt hơn là tấm đai 92 và tấm cơ bản 91 được gắn sao cho độ cứng của băng cài 90 không trở nên cần thiết. Cụ thể là, tấm đai 92 và tấm cơ bản 91 được gắn bằng chất kết dính nóng chảy được áp dụng ở dạng chấm không liên tục, dạng đường thẳng, hoặc dạng xoắn ốc. Ví dụ tấm đai 92 và tấm cơ bản 91 còn có thể được gắn bằng cách hàn nhiệt.

Tấm cơ bản 91 được tạo kết cấu bằng một lớp vải không dệt hoặc hai hoặc nhiều lớp vải không dệt xếp chồng lên nhau. Vải không dệt được sản xuất theo phương pháp sản xuất như tạo màng liên kết khi xe sợi (spun bond-SB) hoặc tạo màng liên kết khi xe sợi-tạo màng liên kết nhờ thổi nóng chảy-tạo màng liên kết khi xe sợi (spun bond-melt blown-spun bond-SMS) có thể được sử dụng làm tấm cơ bản 91. Trọng lượng cơ bản của vải không dệt (hoặc tổng trọng lượng cơ bản trong trường hợp của các lớp) tạo kết cấu tấm cơ bản 91 nằm trong khoảng từ 30 đến 120 g/m², và tốt hơn nằm trong khoảng từ 40 đến 90 g/m².

Bộ phận đích cài 95 được tạo ra về phía bề mặt không tiếp xúc với da của tấm bên ngoài 60 của vùng cặp phía trước. Bộ phận đích cài 95, mà được tạo kết cấu sao cho các đai ăn khớp của băng cài được gài tổ đây, các chức năng làm móc trong hệ thống cài móc và đai. Vải không dệt thấm khí, ví dụ, có thể được sử dụng làm bộ phận đích cài.

Vải không dệt dạng sợi được sản xuất từ các sợi nhựa tổng hợp dẻo nóng dựa trên polyolefin, hoặc tấm nhựa tổng hợp dẻo nóng dựa trên polyolefin, ví dụ, có thể được sử dụng dùng cho bộ phận đích cài 95. Ngoài ra, móc được bố trí ở bộ phận đích cài có thể được tạo ra bằng nhựa tổng hợp dẻo nóng dựa trên polyolefin.

Ngoài ra, vải không dệt sợi lớn, mà được dập nổi từng phần để ngăn chặn sự vỡ vụn trên bề mặt của vải không dệt có thể được sử dụng làm bộ phận đích cài 95.

Ngoài ra, bộ phận đích cài cũng có thể được tạo ra bằng cách tạo ra tấm bên ngoài 60 của tã lót dùng một lần bằng vải không dệt, và sau đó dập hình trang trí thể

hiện vị trí gắn băng cài 90 về phía bề mặt không tiếp xúc với da của tấm bên ngoài 60, hoặc bằng cách bố trí tấm với hình trang trí về phía bề mặt không tiếp xúc với da của tấm bên ngoài 60.

Bộ phận giãn quanh chân 75

Bộ phận giãn quanh chân 75 được bố trí dọc theo lỗ xỏ chân 35 được tạo ra ở phía bên ngoài theo hướng chiều rộng sản phẩm của chi tiết thấm hút 40 và được tạo kết cấu để giãn được theo hướng chiều dài sản phẩm L..

Mỗi bộ phận giãn quanh chân 75 có vùng đầu phía trong theo hướng chiều rộng 75I mà vị trí của vùng này theo hướng chiều rộng được bố trí ở trong cùng trong vùng đứng.

Lỗ xỏ chân 35 và bộ phận giãn quanh chân 75 kéo dài về phía bên ngoài theo hướng chiều rộng sản phẩm W tốt nhất là ở vùng cận phía sau khi kéo dài từ vùng đứng 25 về phía bên ngoài theo hướng chiều dài sản phẩm L

Lưu ý rằng vùng đầu phía trong theo hướng chiều rộng 75I của bộ phận giãn quanh chân 75 có thể được bố trí tại cách liên tục theo hướng chiều dài sản phẩm hoặc có thể được bố trí tại cách không liên tục theo hướng chiều dài sản phẩm.

Theo phương án của sáng chế, vùng vị trí mà theo hướng chiều rộng của lỗ xỏ chân 35 được bố trí ở trong cùng trong vùng đứng tương ứng với vùng đầu phía trong theo hướng chiều rộng 75I của bộ phận giãn quanh chân 75 nhưng có thể không nhất thiết phải tương ứng.

Bộ phận giãn quanh chân 75 của phương án theo sáng chế được tạo kết cấu bằng tấm giãn được. Ví dụ, màng kéo giãn được tạo ra bằng cách nóng chảy nhựa đàn hồi dẻo nóng, như uretan và styren, và sau đó biến đổi thành dạng tấm, vải không dệt giãn được được tạo ra từ các sợi giãn được, hoặc tấm kết hợp được tạo ra bằng cách dán với tấm không giãn được mà đã được cắt từng phần thành màng kéo giãn và giãn được vải không dệt, hoặc đã được làm mỏng có thể được sử dụng làm tấm giãn được.

Ngoài ra, thay vì tấm giãn được, một hoặc nhiều chi tiết đàn hồi giống dải hoặc giống sợi được làm từ sợi đàn hồi polyuretan và cao su tự nhiên có thể được bố trí để tạo kết cấu bộ phận giãn quanh chân 75.

Ví dụ, mỗi bộ phận giãn quanh chân 75 có thể tạo ra số chi tiết đàn hồi được xác định trước (ví dụ, ba chi tiết đàn hồi).

Bộ phận giãn quanh chân 75 được bố trí giữa cánh bên 70 và tấm bên ngoài 60. Theo một cách khác, ở vùng có tấm phía dưới 60a được bố trí giữa chi tiết thấm hút 40 và tấm bên ngoài 60, bộ phận giãn quanh chân 75 là được bố trí giữa tấm phía dưới 60a và cánh bên 70.

Cụ thể là, hướng chiều rộng của chi tiết tấm giãn được (độ rộng theo hướng chiều rộng sản phẩm W của tấm lót dùng một lần 10 ở trạng thái tự nhiên) tốt hơn nằm trong khoảng từ 5 mm đến 45 mm, tốt hơn nữa nằm trong khoảng từ 12.5 mm đến 35 mm nhỏ nhất ở vùng đứng 25.

Lưu ý rằng việc đo này được thực hiện bằng cách sử dụng phương pháp đo bằng lò xo được thực hiện bởi công ty Shinwa Rules Co., Ltd. (cụm băng: lớp vinyl clorua chứa sợi thủy tinh) theo cách theo dọc theo vùng mục đích đo (10 mẫu).

Khi độ rộng của chi tiết tấm giãn được nhỏ hơn 5 mm, thì tác dụng làm giảm của tải trọng đặt lên da bằng các thành phần đàn hồi đạt được bằng cách quay trở lại về cơ bản, ở dạng bề mặt của bộ phận giãn quanh chân, dọc theo vùng xung quanh chân của người mặc để ngăn chặn co một phần lực kẹp không được thể hiện, và khi hướng chiều rộng của chi tiết tấm giãn được vượt quá 45 mm, vùng dọc theo vùng xung quanh chân trở nên quá rộng so với độ dài theo hướng chiều rộng sản phẩm của toàn bộ tấm lót dùng một lần, và kết quả là, chi tiết tấm giãn được có thể trở nên vướng tại mặt cơ thể của người mặc, hoặc có thể lật lại.

Tỷ lệ mở rộng và co bộ phận giãn quanh chân 75 tốt hơn nằm trong khoảng từ 1,5 đến 2,2 lần. Theo phương án của sáng chế, tỷ lệ mở rộng và co bộ phận giãn quanh chân 75 được thiết lập nằm trong khoảng từ 1,8 đến 2,0 lần.

Lưu ý rằng tỷ lệ mở rộng và co cụ thể là, mức độ mở rộng và co bộ phận giãn quanh chân 75 theo hướng mở rộng và co (theo hướng chiều dài sản phẩm L theo phương án của sáng chế) và được xác định như sau.

Tỷ lệ mở rộng và co = (độ dài theo hướng mở rộng và co của bộ phận giãn quanh chân 75 ở trạng thái được kéo giãn cực đại) / (độ dài theo hướng mở rộng và co của bộ phận giãn quanh chân 75 ở trạng thái tự nhiên)

Nên lưu ý rằng tỷ lệ mở rộng và co bộ phận giãn quanh chân 75, trong phần mô tả này, được đo như được mô tả sau đây.

Đầu tiên, nếu tấm lót dùng một lần 10 được đặt trong bao gói, thì ví dụ, sau đó tấm

lót dùng một lần 10 được lấy ra khỏi bao gói.

Tiếp theo, cắt vùng được bố trí bộ phận giãn quanh chân 75 được thực hiện. Tại thời điểm này, việc cắt được thực hiện bằng cách bao gồm tấm bên ngoài 60 được nối với bộ phận giãn quanh chân 75. Tỷ lệ mở rộng và co mẫu bao gồm bộ phận giãn quanh chân sau khi cắt được đo và tỷ lệ mở rộng và co bộ phận giãn quanh chân 75 được tính.

Mỗi mẫu được giữ trong khoảng 60 phút dưới khí quyển có nhiệt độ là $20^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$, và độ ẩm tương đối là $60\% \pm 5\%\text{RH}$, và hướng chiều dài của bộ phận giãn quanh chân 75 được đo dọc theo hướng kéo giãn. Hướng chiều dài này là “hướng chiều dài của bộ phận giãn quanh chân ở trạng thái tự nhiên”.

Thứ hai, hướng chiều dài theo hướng kéo giãn của vùng mong muốn của tã lót dùng một lần ở trạng thái này (tức là, ở trạng thái tự nhiên), và hướng chiều dài theo hướng kéo giãn của vùng mong muốn, khi tã lót dùng một lần được kéo dài từ trạng thái tự nhiên của nó cho đến khi các nếp nhăn được tạo ra nhờ các chi tiết đàn hồi không nhìn thấy được trên tấm không giãn được là được đo. Hướng chiều dài là “hướng chiều dài của bộ phận giãn quanh chân 75 ở trạng thái được mở rộng”.

Tỷ lệ mở rộng và co được đo bằng cách sử dụng các kết quả đo này và tính theo công thức được mô tả nêu trên.

Ngoài ra, khoảng cách giữa các đầu bên trong của cặp bộ phận giãn quanh chân trái 75 theo hướng chiều rộng sản phẩm W mở rộng từ vùng đứng 25 về phía vùng cạp phía trước 20, và còn mở rộng từ vùng đứng 25 về phía vùng cạp phía sau 30.

Khi tã lót 10 được mặc vào cơ thể của người mặc, nếu bộ phận giãn quanh chân 75 được bố trí theo hình dạng mà hẹp nhất ở bộ phận đứng của người mặc và mở rộng về phía cạp phía trước và sau của người mặc, bộ phận giãn quanh chân 75 có thể được mặc sát hơn dọc theo đường của cơ thể, và bộ phận giãn quanh chân 75 được giãn ra và được bố trí thích hợp vừa để khít xung quanh chân của người mặc.

Ngoài ra, khoảng cách giữa các đầu (D1 trong hình trang trí) của cặp bộ phận giãn quanh chân trái phải 75 ở vùng cạp phía trước 20 là hẹp hơn so với khoảng cách giữa các đầu (D2 trong hình trang trí) của t cặp bộ phận giãn quanh chân trái phải 75 ở vùng cạp phía sau 30.

Lưu ý rằng khoảng cách là khoảng cách giữa các đầu bên trong của cặp bộ phận giãn quanh chân trái phải 75 theo hướng chiều rộng sản phẩm W mà được đo sau khi

mở rộng và giữ tã lót dùng một lần 10 từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái khi không có các nếp nhăn được tạo ra, theo hướng chiều dài sản phẩm L và hướng chiều rộng sản phẩm W.

Sự mở rộng của bề mặt về phía da của cơ thể của người mặc đặc biệt rộng ở vùng hông, và rõ rệt tại vị trí theo hướng chiều rộng bên ngoài. Ngoài ra, bộ phận giãn quanh chân 75 tiếp xúc với cơ thể của người mặc. Bởi vì $D2 > D1$, ngay cả khi di chuyển người mặc đặt lên tã lót dùng một lần 10, bộ phận giãn quanh chân 75 ở vùng hông có thể kéo dài trong khi tiếp xúc với cơ thể, và ngay cả khi lượng thay đổi về sự mở rộng là lớn, bộ phận giãn quanh chân 75 không trở nên cứng. Do đó, sự dịch chuyển của tã lót dùng một lần 10 có thể được điều chỉnh nhờ bộ phận giãn quanh chân 75.

Ngoài ra, khoảng cách giữa cả hai chân của người mặc được tạo hình để trở nên hẹp nhất ở bộ phận đứng và mở rộng khi tiếp xúc từ bộ phận đứng về phía bụng và phía lưng. Cụm lỗ xỏ chân 35 và bộ phận giãn quanh chân 75 được tạo hình dạng để kéo dài từ vùng đứng 25 đến phía bên ngoài theo hướng chiều dài sản phẩm L và phía bên ngoài theo hướng chiều rộng sản phẩm W, mà cho phép lỗ xỏ chân 35 và bộ phận giãn quanh chân 75 được bố trí dọc theo lỗ xỏ chân của người mặc, do đó ngăn chặn sự co cục bộ của việc ép, đạt được tiếp xúc sát với người mặc ở tỷ lệ mở rộng thấp tương ứng, và làm tải trọng có thể giảm trọng tải trên da.

Bộ phận giãn quanh chân 75 được tạo kết cấu để co tã lót dùng một lần 10 bằng cách uốn cong dọc theo các lỗ xỏ chân của người mặc. Mỗi đầu theo hướng chiều dài sản phẩm L của bộ phận giãn quanh chân 75 được bố trí để mở rộng theo hướng chiều rộng W và được bố trí tại vùng lân cận của bộ phận hãm thắt lưng. Do đó, mỗi đầu theo hướng chiều dài sản phẩm L của bộ phận giãn quanh chân 75 tác dụng để co theo hướng chiều rộng W cùng với bộ phận hãm thắt lưng.

Bộ phận làm giãn đứng 200a

Tiếp theo, hình dạng của bộ phận làm giãn đứng 200a sẽ được giải thích.

Bộ phận làm giãn đứng 200a được tạo kết cấu để duy trì dạng phẳng ở phần vùng đứng 25 tại thời điểm mặc tã lót dùng một lần 10 vào người mặc, so với phần khác của chi tiết thấm hút 40.

Ở đây, bộ phận làm giãn đứng 200a có thể giãn được theo hướng chiều dài sản phẩm L, có thể giãn được theo hướng chiều rộng sản phẩm W, hoặc có thể giãn được

theo cả hai theo hướng chiều dài sản phẩm L và hướng chiều rộng sản phẩm W.

Ví dụ, bộ phận làm giãn đũng 200a được tạo ra tách biệt và độc lập của bộ phận giãn quanh chân 75, và được tạo kết cấu để co lại bằng 60% hoặc lớn hơn hướng chiều dài (ở trạng thái tự nhiên) theo hướng chiều rộng của lõi thấm hút 40a ở vị trí mà bộ phận làm giãn đũng xếp chồng lõi thấm hút 40a (theo phương án của sáng chế, vị trí giữa vỏ bọc lõi 40b mà bọc lõi thấm hút 40a và tấm phía dưới 60a).

Theo cách này, do đó phần co của một phần trong đó lõi thấm hút 40a được bố trí bằng bộ phận làm giãn đũng 200a, lõi thấm hút 40a được thắt lại, và dạng phẳng được duy trì dễ dàng so với một phần mà lõi thấm hút 40a không được thắt lại.

Ngược lại, lõi thấm hút 40a được bố trí ở vùng cạp phía trước 20 hoặc vùng cạp phía sau 30 mà được bố trí bên ngoài bộ phận làm giãn đũng 200a theo hướng chiều dài sản phẩm L là không được co bằng bộ phận làm giãn đũng 200a.

Do đó, ở trạng thái mà tã lót dùng một lần 10 được giữ xung quanh hông hoặc cạp của người mặc bằng các băng cài 90, bộ phận làm giãn đũng 200a được duy trì ở dạng phẳng ở vùng đũng 25 của tã lót dùng một lần 10 không đến tiếp xúc quá sát với cơ thể và kết quả là, bộ phận làm giãn đũng 200a được bố trí dọc theo cơ thể thích hợp.

Ngoài ra, bởi vì bộ phận làm giãn đũng 200a giãn được dọc theo theo hướng chiều dài sản phẩm L, vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30 dựng lên dễ dàng do đó phần co của bộ phận làm giãn đũng 200a. Khi tã lót dùng một lần được mặc, vùng đũng phẳng được tạo ra dọc theo cơ thể ở vùng đũng của người mặc.

Kết quả là, vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30 dựng lên từ bộ phận làm giãn đũng 200a, nhờ đó cải thiện đặc tính vừa khít của tã lót dùng một lần 10 đối với người mặc.

Tức là, nhờ đó co bộ phận làm giãn đũng 200a, tã lót dùng một lần 10 có thể được mặc ổn định theo cách mà vùng đũng 25 của tã lót dùng một lần 10 được bố trí tại bộ phận đũng của người mặc.

Ngoài ra, bộ phận làm giãn đũng 200a được tạo kết cấu theo cách giãn được, sao cho phần vùng đũng 25 của tã lót dùng một lần 10 được co do đó hình thành các nếp nhăn không đều ở bề mặt về phía quần áo (phía bề mặt không tiếp xúc với da S) của tã lót dùng một lần 10.

Kết quả là, có thể nhắc nhở cho người hỗ trợ mặc bằng thị giác hoặc cảm giác

chạm rằng bộ phận đũa 200 rõ ràng là nằm trong lỗ lõm một lần 10 theo phương án của sáng chế.

Lưu ý rằng bộ phận làm giãn đũa 200a có thể được tạo ra từ chi tiết tấm giãn được.

Bằng cách tạo ra bộ phận làm giãn đũa 200a từ chi tiết tấm giãn được, lõi thấm hút 40a ở vùng mà trong đó chi tiết dạng tấm giãn được bố trí được co đều, nhờ đó duy trì dễ dàng dạng tấm. Lưu ý rằng chi tiết tấm giãn được có thể được tạo ra từ, ví dụ, tấm giãn được tương tự với bộ phận giãn quanh chân 75.

Ví dụ, như chi tiết tấm giãn được, màng giãn được thu được bằng cách làm nóng nhựa đàn hồi dẻo nóng như uretan hoặc styren tạo ra dạng màng, vải không dệt giãn được được làm từ sợi kéo giãn, tấm kết hợp thu được bằng cách dán tấm không giãn được từng phần được cắt ra hoặc vỡ vụn thành màng giãn được hoặc vải không dệt giãn được, và các vải tương tự có thể được sử dụng.

Ngoài ra, thay vì chi tiết tấm giãn được, bộ phận làm giãn đũa 200a có thể cũng được tạo kết cấu bằng cách bố trí các chi tiết đàn hồi giống dải hoặc giống sợi được làm từ sợi đàn hồi polyuretan và cao su tự nhiên.

Trong trường hợp này, trong việc xem xét độ cứng của lõi thấm hút 40a và độ cứng của các thành phần khác tạo kết cấu lỗ lõm một lần 10, độ dày hoặc khoảng cách bố trí có thể được chọn một cách tùy ý dùng cho chi tiết đàn hồi được sử dụng. Tuy nhiên, tốt hơn là, tạo ra toàn bộ vùng của cụm mép bên theo hướng chiều rộng sản phẩm W của lõi thấm hút 40a ở trạng thái co tại thời điểm khi thân chính của lỗ lõm một lần 10 được bố trí ở trạng thái tự nhiên (trạng thái không được kéo giãn).

Ngoài ra, để xiết đều lõi thấm hút 40a bằng bộ phận làm giãn đũa 200a, khoảng cách giữa các chi tiết đàn hồi tốt hơn là 7 mm hoặc nhỏ hơn, và tốt hơn nữa là 5 mm hoặc nhỏ hơn. Ngoài ra, để xiết đều lõi thấm hút 40a, hiệu số khoảng cách giữa các chi tiết đàn hồi liền kề được mong muốn là 2 mm hoặc nhỏ hơn.

Cụ thể là, tỷ lệ mở rộng và co bộ phận làm giãn đũa 200a tốt hơn là 1,2 lần hoặc lớn hơn và 1,8 lần hoặc nhỏ hơn. Theo phương án của sáng chế, tỷ lệ mở rộng và co bộ phận làm giãn đũa 200a được thiết lập đến 1,4 lần.

Tỷ lệ mở rộng và co tức là mức độ mở rộng và co bộ phận làm giãn đũa 200a theo hướng mở rộng và co (theo hướng chiều dài sản phẩm L Theo phương án của sáng

chế) và được xác định như sau.

Tỷ lệ mở rộng và co = (độ dài của bộ phận làm giãn đũng 200a ở trạng thái được kéo giãn cực đại) / (độ dài của bộ phận làm giãn đũng 200a ở trạng thái tự nhiên)

Nên lưu ý rằng tỷ lệ mở rộng và co như được sử dụng ở đây được đo như được mô tả sau đây, ví dụ.

Thứ nhất, nếu tã lót dùng một lần 10 được đặt trong bao gói, thì ví dụ, sau đó tã lót dùng một lần 10 được lấy ra khỏi bao gói, và tã lót được giữ ở điều kiện này trong khoảng 60 phút trong môi trường có nhiệt độ là $20^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$, và độ ẩm tương đối là $60\% \pm 5\%\text{RH}$, và hướng chiều dài của bộ phận làm giãn đũng được đo dọc theo hướng kéo giãn. Độ dài này là “độ dài của bộ phận làm giãn đũng 200a theo hướng kéo giãn, ở trạng thái tự nhiên”.

Thứ hai, độ dài theo hướng kéo giãn của vùng mong muốn ở trạng thái này (tức là, ở trạng thái tự nhiên), và độ dài theo hướng kéo giãn của vùng mong muốn, khi tã lót dùng một lần kiểu hở được kéo dài từ trạng thái tự nhiên của nó cho đến khi các nếp nhăn được tạo ra bằng các chi tiết đàn hồi không nhìn thấy được là được đo, độ dài này là “độ dài của bộ phận làm giãn đũng 200a theo hướng kéo giãn, ở trạng thái được kéo giãn cực đại”.

Tỷ lệ mở rộng và co được đo bằng cách sử dụng các kết quả đo này và tính theo công thức được mô tả nêu trên.

Bằng cách thiết lập như vậy thì tỷ lệ mở rộng và co bộ phận làm giãn đũng 200a nằm trong khoảng từ 1,2 lần đến 1,8 lần, có thể thích hợp cho phép kéo giãn về phía da của người mặc.

Ví dụ, khi người mặc uốn cong về phía sao cho mặt trước của cơ thể co lại, có một phần về phía da tại mặt của phần hông của người mặc mà kéo giãn khoảng 30% so với trạng thái khi cơ thể đã được kéo giãn ra ngoài.

Tức là, nếu tỷ lệ mở rộng và co bộ phận làm giãn đũng 200a được thiết lập 1,2 lần hoặc nhỏ hơn, thì phần co của bộ phận làm giãn đũng 200a ở trạng thái tự nhiên là không đủ, và so với trường hợp chưa có bộ phận làm giãn đũng 200a được tạo ra, phần co vùng được bố trí chi tiết thấm hút ở vùng đũng 25 của tã lót dùng một lần 10 là nhỏ hơn, mà hình thành dạng phẳng nhờ vùng đũng 25 của tã lót dùng một lần 10 trở nên không đủ dọc theo cơ thể ở bộ phận đũng của người mặc, sao cho tã lót dùng một lần 10

có khả năng được dịch chuyển từ cơ thể của người mặc.

Ngược lại, khi tỷ lệ mở rộng và co bộ phận làm giãn dững 200a lớn hơn 1,8 lần, thì kích cỡ co theo hướng co bộ phận làm giãn dững 200a trở nên quá lớn, nhờ đó vùng mà bộ phận làm giãn dững 200a tồn tại dễ dàng đến tiếp xúc với cơ thể của người mặc hơn là chạy dọc theo của người mặc, và tã lót dùng một lần 10 dễ dàng dịch chuyển xuống mặt thấp hơn người mặc.

Ngoài ra, kết cấu có thể được tạo kết cấu sao cho lượng co lại theo hướng chiều dài sản phẩm L của bộ phận làm giãn dững 200a được thiết lập nằm trong khoảng từ 2 đến 8% của hướng chiều dài theo hướng chiều dài sản phẩm L của tã lót dùng một lần 10.

Lưu ý rằng lượng co lại là hiệu số giữa hướng chiều dài “b (mm)” của mẫu ở trạng thái được kéo giãn ra ngoài mà các nếp nhăn được giảm với lượng sao cho bề mặt của mẫu trở nên gần như tròn và hướng chiều dài “a (mm)” của mẫu ở trạng thái tự nhiên được định hướng theo hướng mở rộng và co n mẫu, và lượng co lại có thể được tính bằng (b - a). Trong phần mô tả này, việc đo “hướng chiều dài” được thực hiện bằng cách sử dụng phương pháp đo lò xo (thước dây được phủ bằng vinyl clorua được gia cường bằng sợi thủy tinh) được đo bởi công ty Shinwa Rules Co., Ltd., sao cho việc đo được thiết lập dọc theo phần được đo.

Tác giả sáng chế khẳng định rằng bộ phận làm giãn dững 200a có khả năng kéo dài thích hợp dọc theo cơ thể của người mặc trong quy trình mặc tã lót dùng một lần 10 vào người mặc, trong trường hợp mà lượng co lại theo hướng chiều dài sản phẩm L của bộ phận làm giãn dững 200a được thiết lập nằm trong khoảng từ 2 đến 8% hướng chiều dài theo hướng chiều dài sản phẩm L của tã lót dùng một lần 10.

Ở đây, trong trường hợp lượng co lại theo hướng chiều dài sản phẩm L của bộ phận làm giãn dững 200a được thiết lập lớn hơn 8%, bộ phận làm giãn dững 200a co lại quá mức để đủ giữ hướng chiều dài theo hướng chiều dài sản phẩm L của tã lót dùng một lần 100, do đó tã lót dùng một lần 10 khó có thể mặc vào cơ thể của người mặc hoặc tã lót dùng một lần 10 này dễ dàng gây ra sự dịch chuyển do đó tiếp xúc sát quá giữa tã lót dùng một lần 10 và cơ thể của người mặc ở vùng dững 25.

Ngược lại, trong trường hợp lượng co lại theo hướng chiều dài sản phẩm L của bộ phận làm giãn dững 200a nhỏ hơn 2%, thì bộ phận làm giãn dững 200a ít có khả năng tạo ra hiệu quả để mặc tã lót dùng một lần 10 sát với cơ thể của người mặc.

Ngoài ra, vùng trung tâm O2 của bộ phận làm giãn đũng 200a theo hướng chiều dài sản phẩm L được bố trí sát với mặt vùng cạp phía trước 20 hơn so với vùng trung tâm O1 của tã lót dùng một lần 10 theo hướng chiều dài sản phẩm L. Ngoài ra, bộ phận làm giãn đũng 200a được bố trí để ngang qua vùng trung tâm O1 của tã lót dùng một lần 10 theo hướng chiều dài sản phẩm L.

Ngoài ra, bộ phận làm giãn đũng 200a được tạo ra ở vị trí bao gồm vùng trung tâm O1 của tã lót dùng một lần 10 theo hướng chiều dài sản phẩm L.

Ngoài ra, được tạo kết cấu sao cho hướng chiều dài (ở trạng thái tự nhiên) theo hướng chiều dài sản phẩm L của vùng cạp phía sau 30 dài hơn hướng chiều dài (ở trạng thái tự nhiên) theo hướng chiều dài sản phẩm L của vùng cạp phía trước 20.

Cụ thể là, tỷ lệ hướng chiều dài (ở trạng thái tự nhiên) theo hướng chiều dài sản phẩm L của vùng cạp phía sau 30 so với hướng chiều dài (ở trạng thái tự nhiên) theo hướng chiều dài sản phẩm L của vùng cạp phía trước 20 tốt hơn nằm trong khoảng từ 1,1 đến 1,6, tốt hơn nữa nằm trong khoảng từ 1,2 đến 1,5.

Khi tỷ lệ này vượt quá 1,6, thì sự cân bằng giữa phía bụng và phía lưng của tã lót dùng một lần 10 bị mất, sao cho trong trường hợp mà bộ phận làm giãn đũng 200a được bố trí dọc theo vùng đũng 25, vùng cạp phía trước 20 đến tiếp xúc quá sát hoặc vùng cạp phía sau 30 được che rộng hơn so với cần thiết.

Cụ thể là, cơ thể của người mặc thường ở trạng thái mà mông nhô hơn so với hông, sao cho tã lót dùng một lần 10 được tạo ra ở dạng thích hợp hơn đối với hình dạng phức tạp của cơ thể của người mặc bằng cách thiết lập tỷ lệ được mô tả nêu trên trong vùng nêu trên trên điều kiện mà bộ phận làm giãn đũng 200a và bộ phận đũng của người mặc được bố trí với nhau.

Tức là, có thể ngăn chặn nhô một phần tã lót dùng một lần 10 do đó xuất hiện phần có kích cỡ nhỏ hoặc khoảng trống không cần thiết giữa tã lót dùng một lần 10 và cơ thể do đó xuất hiện phần quá cỡ.

Ngoài ra, tốt nhất là trong trường hợp trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi mà sử dụng tã lót dùng một lần 10 quanh thời điểm trước khi hoặc sau khi chúng bắt đầu đi, được xem xét tốt hơn là chúng tạo dáng điệu mà cơ thể được tạo hình thành cuộn được định về phía bụng, và với dáng điệu như vậy về phía da ở mặt của mông có khả năng được kéo giãn, sao cho tã lót dùng một lần 10 được bố trí ở trạng thái thích hợp đối với cơ thể

của trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi mà có xu hướng tạo dáng điệu này, bằng cách thiết lập tỷ lệ được mô tả nêu trên trong

Khi một ví dụ được trích dẫn, đối với độ dài của sản phẩm là 400 mm (độ dài ở trạng thái tự nhiên theo hướng chiều dài sản phẩm L) của tã lót dùng một lần 10, vùng cạp phía trước 20 được thiết lập đến 130 mm (độ dài ở trạng thái tự nhiên theo hướng chiều dài sản phẩm L); bộ phận đũng 200 được thiết lập đến 80 mm (hướng chiều dài ở trạng thái tự nhiên theo hướng chiều dài sản phẩm L); và vùng cạp phía sau 30 được thiết lập đến 190 mm (hướng chiều dài ở trạng thái tự nhiên theo hướng chiều dài sản phẩm L).

Trong trường hợp này, tỷ lệ của hướng chiều dài (ở trạng thái tự nhiên) giữa vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30 khoảng 1,46. Bằng cách thiết lập tỷ lệ này, không chỉ bộ phận làm giãn đũng 200a mà còn toàn bộ tã lót dùng một lần 10 theo hướng chiều dài sản phẩm L có thể được tạo ra còn dọc theo cơ thể của người mặc.

Cụ thể là, với kết cấu như vậy, bằng cách xác định vị trí theo hướng đằng trước - đằng sau của bộ phận làm giãn đũng 200, tã lót dùng một lần 10 vừa khít thích hợp với cơ thể của người mặc, do đó mục đích theo sáng chế có thể đạt được một cách chắc chắn hơn, mà hình trang trí của tã lót dùng một lần 10 tạo ra để hoạt động trong sự kết hợp.

Do trạng thái mà bộ phận làm giãn đũng 200a được co lại, là trạng thái khác với trạng thái không được co ở vùng được bố trí chi tiết thấm hút tức là sát với mặt vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30 so với bộ phận làm giãn đũng 200a, trong trường hợp mặc tã lót dùng một lần 10 vào người mặc, trở nên dễ dàng mặc tã lót dùng một lần 10 này theo cách để bố trí bộ phận làm giãn đũng 200a đến bộ phận đũng của người mặc.

Ngoài ra, với các bố trí như vậy, ở trạng thái mà vùng lõi thấm hút 40a có bộ phận làm giãn đũng 200a được co, độ cứng hoặc độ dày của vùng này trở nên khác với độ cứng hoặc độ dày của vùng khác của lõi thấm hút 40a, nhờ đó người hỗ trợ mặc dễ dàng nhận ra vùng vừa khít với bộ phận đũng của người mặc ở vùng đũng 25 của tã lót dùng một lần 10.

Ngoài ra, sau khi tã lót dùng một lần 10 đã được mặc, bộ phận làm giãn đũng 200a duy trì dạng phẳng của nó ở bộ phận đũng của người mặc nên tã lót dùng một lần 10 chính nó có hình dạng ba chiều, do đó vùng đũng 25 có thể được tạo ra của tã lót dùng một lần 10 theo bộ phận đũng của người mặc, mà tã lót dùng một lần 10 này chắc

chấn hơn được mặc trong khi vùng đũng 25 và bộ phận đũng của người mặc vừa khít với nhau.

Ngoài ra, như được thể hiện trên Fig.1, có thể được tạo kết cấu mà hướng chiều dài W5 (ở trạng thái tự nhiên) theo hướng chiều rộng sản phẩm W trong vị trí trung tâm O2 của bộ phận làm giãn đũng 200a theo hướng chiều dài sản phẩm L là ngắn hơn hướng chiều dài W6 (ở trạng thái tự nhiên) theo hướng chiều rộng sản phẩm W tại đầu của bộ phận làm giãn đũng 200a theo hướng chiều dài sản phẩm L.

Với kết cấu như vậy, do hình dạng như được nhìn từ bên ngoài bộ phận làm giãn đũng 200a là dạng đồng hồ cát giống với bộ phận đũng đồ lót của phụ nữ, ví dụ, tại thời điểm mặc tả lót dùng một lần 10 vào người mặc, có thể đối với người hỗ trợ mặc để mặc tả lót này theo cách mà bộ phận làm giãn đũng 200a được bố trí tại bộ phận đũng của người mặc và để xác nhận bằng mắt thường rằng vị trí mặc thích hợp.

Ngoài ra, cả trong khi tả lót dùng một lần 10 được mặc, có thể gọi cho người hỗ trợ mặc một điều là tả lót dùng một lần 10 có bộ phận đũng 200 và tạo ra hình ảnh thậm chí giống với đồ lót hơn.

Như được thể hiện trên Fig.1, rãnh 110 (rãnh 120) được tạo ra trong vùng đũng 25 của chi tiết thấm hút 40. Rãnh 110 và rãnh 120 tương ứng với vùng trong đó lõi thấm hút 40a tạo kết cấu chi tiết thấm hút 40 không nằm trong đó.

Theo phương án của sáng chế, rãnh 110 và rãnh 120 tương ứng với cụm có độ cứng thấp trong đó trọng lượng cơ sở của lõi thấm hút 40a thấp hơn phần khác của lõi thấm hút 40a.

Lưu ý rằng ở vị trí tạo ra rãnh 100 và rãnh 120, có thể được tạo kết cấu để thiết lập tổng trọng lượng của lõi thấm hút 40a nhỏ hơn vùng khác của lõi thấm hút 40a.

Như được thể hiện trên Fig.1, rãnh 110 và rãnh 120 được tạo ra dọc theo mép theo hướng chiều dài sản phẩm L của bộ phận làm giãn đũng 200a.

Nên lưu ý rằng thậm chí đi qua rãnh 110 và rãnh 120 được tạo ra, lõi thấm hút 40a được bố trí ở vùng cặp phía trước 20 và vùng cặp phía sau 30, và lõi thấm hút 40a được bố trí tại vùng đũng 25 được ưu tiên theo sự liên tục, cụ thể là, theo hướng chiều rộng, hơn là được tách biệt hoàn toàn.

Vì rãnh 110 và rãnh 120 chạy về phía bên ngoài theo hướng chiều rộng sản phẩm W, hướng chiều dài theo hướng chiều dài sản phẩm L giữ theo sự mở rộng.

Do đó hình dạng này, phía bên ngoài theo hướng chiều rộng sản phẩm W của lõi thấm hút 40a được thắt lại dễ dàng hơn, và “cụm đáy” phẳng được tạo ra dễ dàng hơn.

Ngoài ra, lõi thấm hút 40a được bố trí ở phía vùng cạp phía trước 20 từ rãnh 110, và lõi thấm hút 40a được bố trí ở phía vùng cạp phía sau 30 từ rãnh 120 dựng lên từ “cụm đáy”, và có thể dễ dàng uốn cong dọc theo độ tròn của cơ thể của người mặc (phần bụng và hông), bởi vì hình dạng của tã lót dùng một lần có thể được mặc sát với cơ thể của người mặc.

Như được thể hiện trên Fig.1, mép về phía vùng cạp phía trước 20 của rãnh 110 và mép về phía vùng cạp phía sau 30 của rãnh 120 có dạng hình cung.

Cụ thể là, mép về phía cạp phía trước 20 của rãnh 110 được tạo hình sao cho vùng trung tâm của hình cung được bố trí sát với mặt vùng cạp phía sau 30 so với biên nêu trên, trong khi mép tại mặt vùng cạp phía sau 30 của rãnh 120 được tạo hình sao cho vùng trung tâm của hình cung được bố trí sát với mặt vùng cạp phía trước 20 so với biên nêu trên.

Do đó hình dạng này, sự biến dạng dọc theo độ tròn của cơ thể của người mặc xảy ra dễ dàng hơn và đáng chú ý.

Mép tại mặt vùng cạp phía trước 20 theo hướng chiều dài sản phẩm L của rãnh 110 bố trí cụm uốn cong thứ nhất 115 trong khi mép tại mặt vùng cạp phía trước 30 theo hướng chiều dài sản phẩm L của rãnh 120 bố trí cụm uốn cong thứ hai 125.

Lưu ý rằng cụm uốn cong thứ nhất 115 và cụm uốn cong thứ hai 125 được tạo kết cấu để kéo dài theo hướng chiều rộng sản phẩm W để thực hiện chức năng làm điểm cơ bản uốn cong của tã lót dùng một lần 10.

Phương pháp bố trí hình trang trí

Như được thể hiện trên Fig.2, bề mặt dưới về phía (phía bề mặt không tiếp xúc với da S) tấm phía dưới 60a có một tấm cuộn 61 (ví dụ, màng) mở rộng ngang qua vùng đứng 25 và kéo dài đến vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30, và bề mặt dưới về phía (phía bề mặt không tiếp xúc với da S) tấm 61 có tấm bên ngoài 60.

Ở đây, tại vùng mà ngang qua vùng đứng 25 và kéo dài đến vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30, các hình trang trí 300a, 300b, mà có thể nhận biết được bằng mắt thường từ phía bề mặt không tiếp xúc với da S của tã lót dùng một lần 10,

được tạo ra. Các hình trang trí 300a, 300b này được tạo ra trên tấm 61.

Ở đây, như được thể hiện trên Fig.4, phương pháp bố trí hình trang trí 300a được bố trí ở vùng A sát với mặt vùng cạp phía trước 20 hơn bộ phận làm giãn dứng 200a và phương pháp bố trí hình trang trí 300b được bố trí ở vùng sát với mặt vùng cạp phía sau 30 hơn bộ phận làm giãn dứng 200a được tạo kết cấu khác với nhau.

Tức là, phụ thuộc vào các hình trang trí 300a, 300b, tức là, phụ thuộc vào hướng bố trí, kích cỡ, màu sắc, v.v., của mẫu, hình trang trí đặc điểm, hình dạng, ký tự hoặc tương tự, có thể gọi cho người hỗ trợ mặc một điều là vùng A được mô tả nêu trên sát với mặt vùng cạp phía trước 20 (phía bụng) của tã lót dùng một lần 10 trong khi nhắc một điều là vùng B được mô tả nêu trên là mặt vùng cạp phía sau 30 (mặt lưng) của tã lót dùng một lần 10.

Ví dụ, như được thể hiện trên Fig.4, các hình trang trí đồng nhất 300a, 300b được sử dụng giữa vùng A và vùng B, và hình trang trí 300a được bố trí ở vùng A và hình trang trí 300b được bố trí ở vùng B có thể là các vùng mà được quay 180 độ với nhau. Lưu ý rằng góc quay này có thể ở độ khác 180 độ.

Ví dụ, theo cách nêu trên, bằng cách thay đổi hướng bố trí hình trang trí (các hình trang trí đặc điểm) 300a, 300b, hình trang trí (các hình trang trí đặc điểm) 300a, 300b có thể được thể hiện theo hướng thích hợp khi người mặc được quan sát từ phía bụng và phía lưng sau khi tã lót dùng một lần 10 đã được mặc.

Ở đây, như được thể hiện trên Fig.4, phương pháp bố trí hình trang trí 300a, 300b có thể được tạo kết cấu để tạo ra sự khác biệt ngang qua đường viền được đặt đến đầu X về phía vùng cạp phía trước 20 của bộ phận làm giãn dứng 200a.

Như được mô tả nêu trên, nhờ đó chức năng của bộ phận làm giãn dứng 200a của tã lót dùng một lần 10, tã lót dùng một lần 10 có thể được mặc trong khi chắc chắn hơn là vừa khít với cụm bụng, cụm vùng dứng, và cụm lưng của người mặc đến vùng cạp phía trước 20, vùng dứng 25, và vùng cạp phía sau 30 của tã lót dùng một lần 10, do đó có thể thu được tã lót dùng một lần 10 trong đó hình trang trí được bố trí phù hợp với hướng cơ thể của người mặc có thể được bố trí.

Do đó, nhờ người hỗ trợ mặc tã lót dùng một lần 10 vào người mặc bằng cách tham chiếu đến hình trang trí 300a, 300b được mô tả nêu trên, tã lót dùng một lần 10 có thể được mặc ở vị trí phù hợp của cơ thể của người mặc, nhờ đó có thể ngăn chặn sự rò

ri từ bộ phận đưng của người mặc hoặc cảm giác khó chịu tại thời điểm mặc tã lót dùng một lần 10 ở bộ phận đưng của người mặc.

Ngoài ra, bởi vì thực tế là bộ phận đưng 200 rõ ràng xuất hiện và hình trang trí được dập lên bộ phận đưng này 200, tức là, bằng cách chuyển đổi hình trang trí được dập lên bộ phận đưng 200 giữa mặt vùng cạp phía trước 20 và mặt vùng cạp phía sau 30, hình dạng xuất hiện của nó có thể thay đổi từ hình dạng của tã lót dùng một lần 10 để hình dạng giống với đồ lót hoặc quần trong hơn, nhờ đó có thể tạo cho người hỗ trợ cảm giác tốt hơn về sự thoải mái trong khi mặc.

Ngoài ra, ở các vùng lân cận của các đầu E1, E2 theo hướng chiều dài sản phẩm L của tấm 61, các hình trang trí được mô tả nêu trên 300a, 300b không được tạo ra. Ngoài ra, ở các đầu E3, E4 theo hướng chiều dài sản phẩm L của tã lót dùng một lần 10, tấm 61 không được bố trí.

Tương tự, ở các vùng lân cận của các đầu E5, E6 theo hướng chiều rộng sản phẩm W của tấm 61, các hình trang trí được mô tả nêu trên 300a, 300b không được tạo ra. Ngoài ra, ở các đầu E7, E8 theo hướng chiều rộng sản phẩm W của tã lót dùng một lần 10, tấm 61 không được bố trí.

Cụ thể là, tấm 61 được bố trí để ngang qua các đầu E9, E10 theo hướng chiều dài sản phẩm L của chi tiết thấm hút 40 và các đầu E11, E12 theo hướng chiều rộng sản phẩm W của chi tiết thấm hút 40 trong khi không đi đến các đầu E3, E4 theo hướng chiều dài sản phẩm L của tã lót dùng một lần 10 và các đầu E7, E8 theo hướng chiều rộng sản phẩm W của tã lót dùng một lần 10.

Như được mô tả nêu trên, bằng cách không tạo ra các hình trang trí 300a, 300b trong vùng lân cận của tấm 61 trong khi không bố trí tấm 61 ở vị trí xếp chồng với các đầu của tã lót dùng một lần 10, có thể ngăn chặn các hình trang trí 300a, 300b được bố trí ở tấm 61 khỏi bị rách ở đầu bên ngoài của tã lót dùng một lần 10 và ngoài ra các hình trang trí 300a, 300b khỏi bị rách ở biên giữa tấm 61 có các hình trang trí 300a, 300b và tấm khác (vải không dệt) tạo kết cấu tã lót dùng một lần 10.

Kết quả là, các hình trang trí 300a, 300b bị rách ở biên đến tấm 61 hoặc các đầu của tã lót dùng một lần 10 làm giảm tính thẩm mỹ của các hình trang trí 300a, 300b, trong khi tạo cho người hỗ trợ mặc cảm giác về tã lót dùng một lần 10 được thực hiện bằng cách cắt và dán với chi tiết tại thời điểm khi người hỗ trợ mặc quan sát các hình trang trí 300a, 200b. Tức là, bằng cách bố trí các hình trang trí 300a, 300b mà không bị

rách, có thể gợi ấn tượng cho người hỗ trợ mặc thậm chí giống với đồ lót hơn.

Ngoài ra, vì tấm 61 có các hình trang trí 300a, 300b được bố trí để che toàn bộ vùng chi tiết thấm hút 40, thay đổi ở màu sắc của chi tiết thấm hút 40 do đó dịch thể có thể được tạo ra ít nhận thấy, nhờ đó có thể duy trì cảm giác giống với đồ lót trong khi sử dụng là tốt.

Ngoài ra, được tạo kết cấu sao cho so với tỷ lệ của các hình trang trí 300a, 300b ở vùng tương ứng với vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30, tỷ lệ của các hình trang trí 300a, 300b ở vùng tương ứng với vùng đũng 25 có xuất hiện bộ phận làm giãn đũng 200a được thiết lập nhỏ hơn.

Với kết cấu như vậy, bằng cách làm tăng tỷ lệ của hình trang trí (tỷ lệ hình trang trí) ở vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30 mà có khả năng đập nổi tại thời điểm mặc, vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30 có thể được làm đập nổi trong khi bố trí vùng đũng 25 ít nhận thấy bằng cách làm giảm tỷ lệ của hình trang trí (tỷ lệ hình trang trí) ở vùng đũng 25.

Kết quả là, trong trường hợp mà vùng đũng 25 được bố trí dọc theo cơ thể của người mặc bằng bộ phận làm giãn đũng 200a, thì có thể tạo cảm giác mà vùng đũng 25 được đặt vừa khít hơn trong bộ phận đũng của người mặc mà không tạo bất kỳ cảm giác khó chịu.

Như được thể hiện trên Fig.5, tã lót dùng một lần 10 theo phương án của sáng chế được tạo kết cấu để tạo ra mặt phẳng “đũng” bằng bộ phận làm giãn đũng 200a được bố trí tại vùng đũng 25, do đó tạo cho người hỗ trợ mặc cảm giác mà vùng cạp phía trước 20, vùng đũng 25, và vùng cạp phía sau 30 độc lập tách biệt với nhau.

Do đó, bằng cách tạo ra phương pháp bố trí các hình trang trí 300a, 300b là khác nhau giữa các vùng ở phía sau và phía trước bộ phận làm giãn đũng 200a, như được thể hiện trên Fig.5, người hỗ trợ mặc có thể mặc tã lót dùng một lần 10 ở vị trí phù hợp của cơ thể của người mặc dựa trên hình trang trí 300a, 300b.

Ngoài ra, với tã lót dùng một lần 10 theo phương án của sáng chế, tại thời điểm mặc tã lót dùng một lần 10 ở vị trí phù hợp của người mặc, các hình trang trí ở vùng cạp phía trước 20, vùng đũng 25, vùng cạp phía sau 30, và các vùng tương tự của tã lót dùng một lần 10 được bố trí mà không tạo bất kỳ cảm giác khó chịu, nhờ đó có thể tạo cảm giác thậm chí giống với đồ lót hơn.

Phương pháp sản xuất tã lót dùng một lần 10

Tiếp theo, ví dụ về phương pháp sản xuất tã lót dùng một lần 10 theo phương án của sáng chế sẽ được mô tả. Theo phương pháp mà không được mô tả theo phương án của sáng chế là có liên quan, có sẵn phương pháp có thể được sử dụng. Ngoài ra, phương pháp sản xuất được giải thích sau đây chỉ là ví dụ, và tã lót dùng một lần 10 có thể cũng được sản xuất bằng các phương pháp sản xuất khác. Phương pháp sản xuất tã lót dùng một lần 10 bao gồm ít nhất một bước tạo ra thành phần, bước tải thành phần, bước tạo ra lỗ xỏ chân, và bước cắt.

Trong bước tạo ra thành phần, các thành phần tạo kết cấu tã lót dùng một lần được tạo ra. Cụ thể là, ví dụ, vật dụng thấm hút được cán ép và chi tiết thấm hút 40 được tạo kiểu.

Trong bước tải thành phần, các thành phần tạo kết cấu tã lót dùng một lần 10, như tấm giãn tạo kết cấu bộ phận giãn quanh chân 75, mạng lưới khác như mạng lưới tạo kết cấu tấm phía trên, tấm ngăn rò rỉ, chi tiết thấm hút, và tương tự, được tải lên mạng lưới tạo kết cấu tấm phía dưới.

Cụ thể là, tấm giãn tạo kết cấu bộ phận giãn quanh chân 75 được kéo giãn ra ngoài và còn được chuyển vào trống không liên tục trong khi được dịch chuyển theo hướng chiều rộng, và sau đó tấm giãn được cắt thành theo hướng chiều dài sản phẩm riêng biệt trên trống không liên tục.

Các tấm giãn được cách quãng tại các khoảng trong sự kết hợp bằng cách quay trống không liên tục và chuyển vào mạng lưới liên tục. Theo cách này, bộ phận giãn quanh chân có thể được bố trí tại đường uốn cong.

Ở bước tạo ra lỗ xỏ chân, tấm phía trên 50, tấm bên ngoài 60, và tấm phía dưới 60a được cắt dọc theo đầu bên ngoài theo hướng chiều rộng của bộ phận giãn quanh chân 75. Theo cách này, lỗ xỏ chân 35 được bố trí tại các lỗ xỏ chân của người mặc được tạo ra.

Trong bước cắt, thân liên tục trên tấm phía trên 50, tấm phía dưới 60a, và chi tiết thấm hút 40 được bố trí được cắt theo kích cỡ của một sản phẩm dọc theo hướng chiều rộng sản phẩm W. Do đó tã lót dùng một lần 10 được sản xuất.

Phương án thứ hai theo sáng chế

Bằng cách tham chiếu đến Fig.6, tã lót dùng một lần 10 theo phương án thứ hai

của sáng chế sẽ được giải thích. Ở đây, tã lót dùng một lần 10 theo phương án thứ hai sẽ được giải thích bằng điểm tập chung vào các điểm khác biệt với tã lót dùng một lần 10 theo phương án thứ hai được mô tả nêu trên.

Tã lót dùng một lần theo phương án của sáng chế được tạo kết cấu sao cho như được thể hiện trên Fig.1, độ dài W1 (ở trạng thái tự nhiên) theo hướng chiều rộng sản phẩm W của chi tiết thấm hút 40 được bố trí tại vùng đũng 25 nhỏ hơn độ dài W2, W3 (ở trạng thái tự nhiên) theo hướng chiều rộng sản phẩm W của chi tiết thấm hút 40 được bố trí ở vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30.

Cụ thể là, ưu tiên hơn bộ phận làm giãn đũng 200a được xếp chồng với phần có hướng chiều rộng nhỏ nhất (độ dài theo hướng chiều rộng sản phẩm W) của lõi thấm hút 40a.

Với kết cấu như vậy, thì phần có hướng chiều rộng nhỏ nhất của lõi thấm hút 40a và bộ phận làm giãn đũng 200a được đặt trong bộ phận đũng của người mặc, và vị trí mặc của tã lót dùng một lần 10 được xác định ở bộ phận đũng của người mặc, mà tã lót dùng một lần 10 này chắc chắn hơn là được đặt ở vị trí phù hợp của cơ thể của người mặc.

Ngoài ra, như được thể hiện trên Fig.6, hình trang trí 400 được bố trí ở tã lót dùng một lần 10 theo phương án của sáng chế là cặp đường uốn cong 400 kéo dài theo hướng chiều dài sản phẩm L.

Ở đây, được tạo kết cấu sao cho khoảng cách W4 giữa cặp đường thẳng 400 trở nên nhỏ nhất ở bộ phận làm giãn đũng 200a.

Cụ thể là, có thể được tạo kết cấu sao cho khoảng cách W4 giữa cặp đường thẳng 400 trở nên nhỏ nhất ở đầu (cụm uốn cong thứ nhất 115) tại mặt vùng cạp phía trước 20 theo hướng chiều dài sản phẩm L của bộ phận làm giãn đũng 200a.

Với tã lót dùng một lần 10 theo phương án của sáng chế, thì khoảng cách W4 giữa cặp đường thẳng 400 theo hướng chiều rộng sản phẩm W được tạo ra nhỏ nhất ở bộ phận làm giãn đũng 200a và để mở rộng khi tiếp xúc mặt vùng cạp phía trước 20 và mặt vùng cạp phía sau 30 ngang qua bộ phận làm giãn đũng 200a làm biên, sao cho có thể gọi cho người mặc một điều là bộ phận làm giãn đũng 200a là thành phần được bố trí tại bộ phận đũng của người mặc và mặc tã lót dùng một lần 10 vào theo cách từ vị trí bộ phận làm giãn đũng 200a đến bộ phận đũng của người mặc, và đồng thời, có thể cũng

gọi cho người hỗ trợ mặc một điều là bộ phận đũng 200 rõ ràng xuất hiện tại thời điểm mặc.

Phương án thứ ba theo sáng chế

Bằng cách tham chiếu đến Fig.7, tã lót dùng một lần 10 theo phương án thứ ba của sáng chế sẽ được giải thích. Ở đây, tã lót dùng một lần 10 theo phương án thứ ba sẽ được giải thích bằng điểm tập chung vào các điểm khác biệt với tã lót dùng một lần 10 theo theo phương án thứ nhất và thứ hai được mô tả nêu trên.

Như được thể hiện trên Fig.7, tã lót dùng một lần 10 theo phương án thứ ba của sáng chế được tạo kết cấu sao cho các mẫu hình chính 500a, 500b được bố trí ở vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30 trong vùng ảo 510 mở rộng bộ phận làm giãn đũng 200a và kéo dài theo hướng chiều dài sản phẩm.

Ở đây, ở trạng thái tự nhiên của sản phẩm, bộ phận làm giãn đũng 200 có thể là đối xứng ngang qua đường tâm O theo hướng chiều rộng sản phẩm W, hoặc có thể có sự khác biệt là 10% hoặc nhỏ hơn nằm trong khoảng từ hướng chiều rộng bên trái đến hướng chiều rộng bên phải của bộ phận làm giãn đũng 200a trong khi đường tâm O theo hướng chiều rộng sản phẩm W được bố trí làm biên.

Với tã lót dùng một lần 10 theo phương án của sáng chế, có thể tạo ra trạng thái trong đó bộ phận làm giãn đũng 200a được mặc vào bộ phận đũng của người mặc trong khi mở rộng vùng trung tâm của cơ thể của người mặc.

Tuy nhiên, các mẫu hình chính (ví dụ, kích cỡ lớn hơn mẫu, hình trang trí đặc điểm, ký tự, hoặc tương tự, hoặc mẫu, hình trang trí đặc điểm, ký tự, hình dáng, hoặc tương tự mà có màu sắc khác với vùng khác) 500a, 500b mà thu hút sự chú ý nhiều hơn so với các hình trang trí khác được bố trí trong vùng ảo kéo dài từ bộ phận làm giãn đũng 200a, sao cho có thể gọi một điều là các mẫu hình chính 500a, 500b được bố trí so với vùng trung tâm của mặt vùng cạp phía trước 20 và mặt vùng cạp phía sau 30 của tã lót dùng một lần 10 cũng như vùng trung tâm cơ thể của người mặc (vùng cạp phía trước 20 tương ứng với vùng lân cận của rốn trong khi mặt của vùng cạp phía sau 30 tương ứng với vùng lân cận của xương sống).

Ngoài ra, người hỗ trợ mặc được gọi một điều là mỗi bộ phận đũng 200, vùng cạp phía trước 20, và vùng cạp phía sau 30 của tã lót dùng một lần 10 rõ ràng xuất hiện, nhờ đó có thể tạo ra cảm giác thậm chí giống với đồ lót hơn.

Ngoài ra, như được thể hiện trên Fig.7, tã lót dùng một lần 10 theo phương án thứ ba của sáng chế có thể được tạo kết cấu sao cho mẫu đường 600 mà mở rộng bộ phận làm giãn dãn 200a và kéo dài đến vùng cạp phía trước 20 và vùng cạp phía sau 30 của tã lót dùng một lần 10 được bố trí.

Mẫu đường 600 này có thể được tạo kết cấu sao cho, như được thể hiện trên Fig.7, các đường kéo dài về cơ bản song song với đường tâm O theo hướng chiều rộng sản phẩm W.

Với kết cấu như vậy, ngoài thực tế là vị trí của cụm vùng dãn, cụm bụng, và cụm lưng của cơ thể của người mặc có thể vừa khít với vị trí theo hướng chiều dài sản phẩm L của tã lót dùng một lần 10 bằng bộ phận làm giãn dãn 200a, vị trí trung tâm nằm ngang ở bộ phận dãn của người mặc có thể vừa khít với vị trí theo hướng chiều rộng sản phẩm W của tã lót dùng một lần 10.

Như được mô tả nêu trên, chắc chắn trường hợp mà sáng chế bao gồm các phương án và tương tự không được mô tả here. Do đó, lĩnh vực kỹ thuật của sáng chế được xác định duy nhất bằng đối tượng cụ thể theo sáng chế theo các điểm yêu cầu bảo hộ tương ứng từ phần mô tả nêu trên.

Sáng chế có thể được thực hiện theo các phương án được sửa đổi và được thay đổi mà không rời khỏi tinh thần và phạm vi của sáng chế được xác định bằng các điểm yêu cầu bảo hộ. Do đó, phần mô tả của bản mô tả nhằm giải thích ví dụ duy nhất và mà không áp đặt bất kỳ nghĩa hạn chế đối với sáng chế.

Toàn bộ nội dung của Đơn công bố yêu cầu cấp Patent Nhật Bản số. 2012-218839 (được nộp ngày 28 tháng 9 năm 2012) được kết hợp trong phần mô tả này bằng cách viện dẫn.

Khả năng ứng dụng trong công nghiệp

Có thể tạo ra làm tã lót dùng một lần mà có thể được mặc ở vị trí phù hợp vào cơ thể của người mặc bằng cách tham chiếu đến hình trang trí.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Tã lót dùng một lần (10) bao gồm:

vùng cạp phía trước (20);

vùng cạp phía sau (30);

vùng đũng (25) được định vị giữa vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau;

cặp lỗ xỏ chân (35);

chi tiết thấm hút (40) mở rộng ngang qua vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau;

hướng chiều dài sản phẩm (L) kéo dài từ vùng cạp phía trước đến vùng cạp phía sau; và

hướng chiều rộng sản phẩm (W) vuông góc với hướng chiều dài sản phẩm, trong đó:

bộ phận làm giãn vùng đũng giãn được (200a) mà được tạo ra ở vùng mà trong đó chi tiết thấm hút được bố trí tại vùng đũng được tạo ra;

khác biệt ở chỗ các hình trang trí (300a, 300b) mà có thể nhận biết được bằng mắt thường từ phía bề mặt không tiếp xúc với da của tã lót dùng một lần được bố trí ở vùng ngang qua vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau; và

hình trang trí (300a) được tạo ra ở vùng (A) gần hơn về phía vùng cạp phía trước được tạo kết cấu để khác với hình trang trí (300b) được tạo ra ở vùng (B) gần hơn về phía vùng cạp phía sau qua đường biên được đặt tại đầu (X) ở phía vùng cạp phía trước của bộ phận làm giãn đũng hoặc tại đầu ở phía vùng cạp phía sau của bộ phận làm giãn đũng.

2. Tã lót dùng một lần theo điểm 1, trong đó:

tấm bên ngoài được bố trí ở phía bề mặt không tiếp xúc với da của chi tiết thấm hút;

tấm mở rộng ngang qua vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp phía trước và vùng cạp phía sau được bố trí giữa tấm bên ngoài và chi tiết thấm hút;

tấm này được bố trí để cắt ngang qua đầu theo hướng chiều dài sản phẩm của chi tiết thấm hút và đầu theo hướng chiều rộng sản phẩm của chi tiết thấm hút và chưa

đến đầu theo hướng chiều dài sản phẩm của tã lót dùng một lần và đầu theo hướng chiều rộng sản phẩm của tã lót dùng một lần;

hình trang trí được bố trí ở vùng bên trong đầu theo hướng chiều dài sản phẩm của tã lót và đầu theo hướng chiều rộng sản phẩm của tã lót; và

hình trang trí không được bố trí ở vùng lân cận của đầu theo hướng chiều dài sản phẩm của tã lót và vùng lân cận của đầu theo hướng chiều rộng sản phẩm của tã lót.

3. Tã lót dùng một lần theo điểm 1, trong đó mẫu hình chính của hình trang trí được tạo kết cấu để được bố trí ở vùng cận phía trước và vùng cận phía sau trong vùng áo mở rộng ngang qua bộ phận làm giãn dãn và kéo dài theo hướng chiều dài sản phẩm.

4. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 3, trong đó bộ phận làm giãn dãn được tạo kết cấu để có thể giãn được theo hướng chiều dài sản phẩm.

5. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4, trong đó tã lót này còn bao gồm bộ phận làm giãn cận mà được tạo ra ở vùng cận phía sau và giãn được theo hướng chiều rộng sản phẩm, trong đó:

chi tiết thấm hút có vùng có độ cứng thấp ở vùng cận phía sau, vùng có độ cứng thấp có tổng trọng lượng nhỏ hơn vùng còn lại của chi tiết thấm hút hoặc không nằm trong lõi thấm hút;

bộ phận làm giãn cận được tạo kết cấu để xếp chồng với ít nhất một phần của vùng có độ cứng thấp trên hình chiếu bằng của tã lót dùng một lần; và

độ rộng của vùng có độ cứng thấp theo hướng chiều rộng sản phẩm được tạo kết cấu để mở rộng đến khi tiếp cận với đầu ở phía vùng cận phía sau theo hướng chiều dài sản phẩm của chi tiết thấm hút.

6. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 5, trong đó lượng co theo hướng chiều dài sản phẩm của bộ phận làm giãn dãn được tạo kết cấu để nằm trong khoảng từ 2 đến 8% độ dài theo hướng chiều dài sản phẩm của tã lót dùng một lần.

7. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 6, trong đó tỷ lệ của độ dài theo hướng chiều dài sản phẩm của cụm cận phía sau so với độ dài theo hướng chiều dài sản phẩm của cụm cận phía trước nằm trong khoảng từ 1,1 đến 1,6.

8. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 7, trong đó độ dài theo hướng chiều rộng sản phẩm ở vị trí trung tâm của bộ phận làm giãn dãn theo

hướng chiều dài sản phẩm được tạo kết cấu để nhỏ hơn độ dài theo hướng chiều rộng sản phẩm ở đầu của bộ phận làm giãn đũng theo hướng chiều dài sản phẩm.

FIG. 1

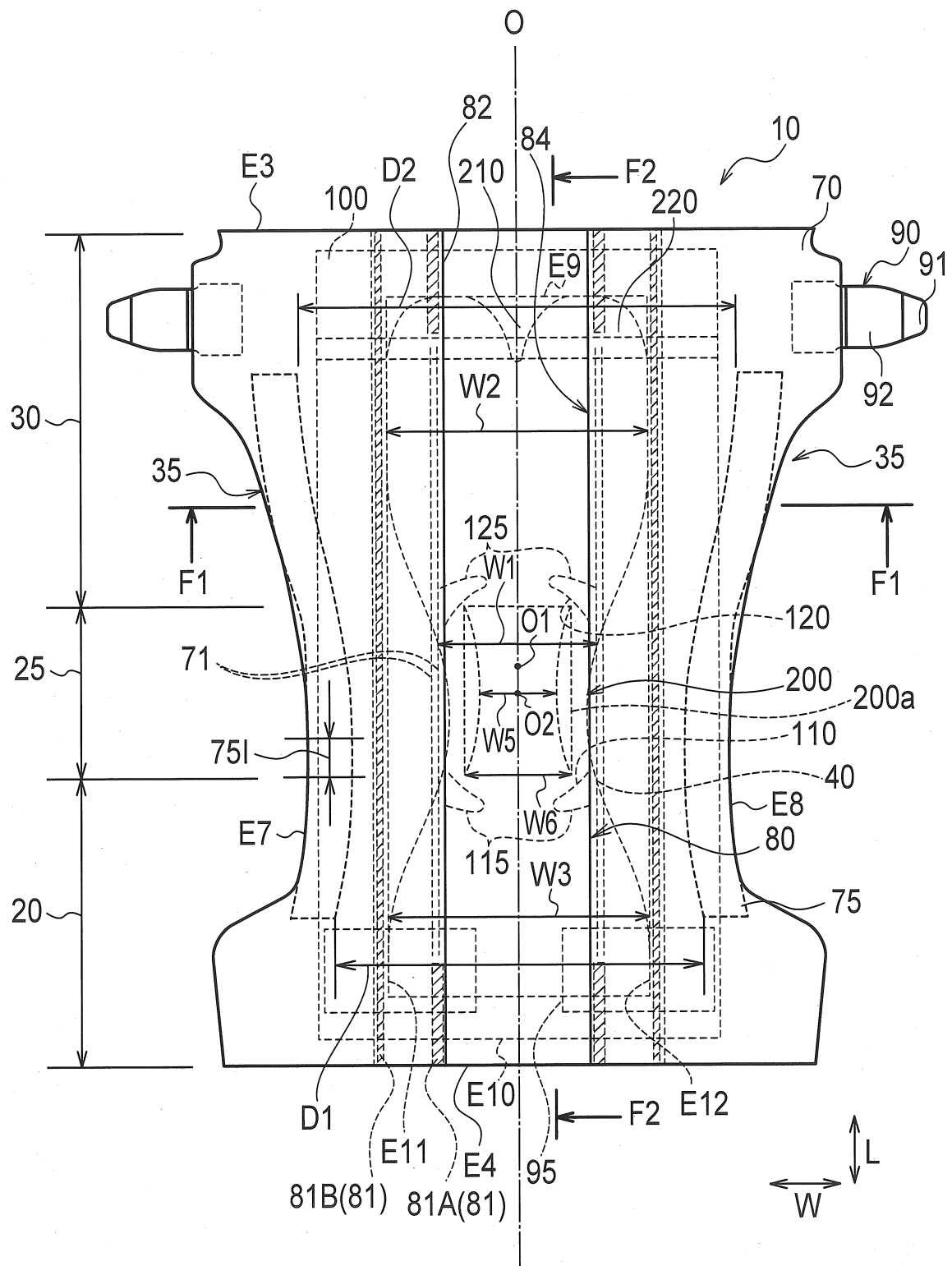


FIG. 2

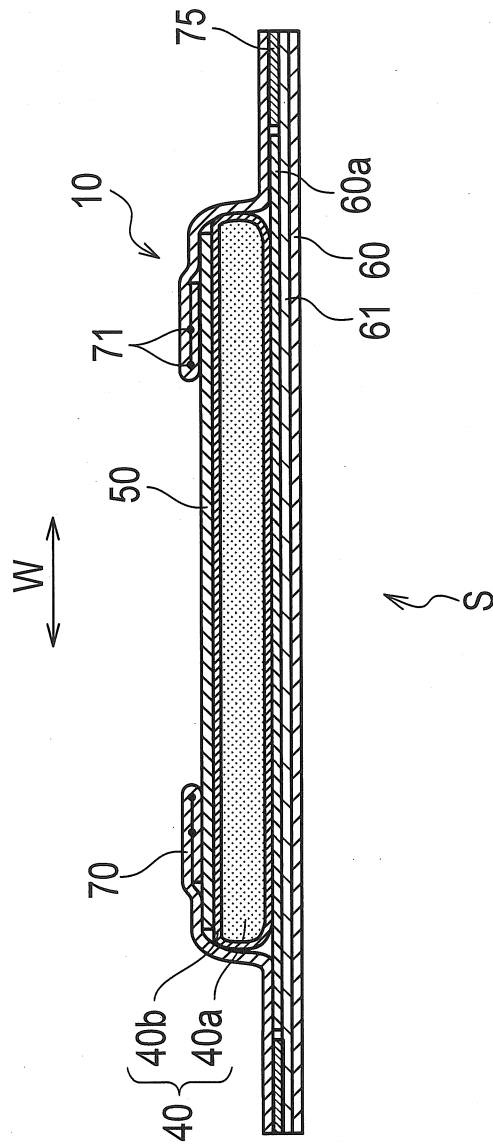


FIG. 3

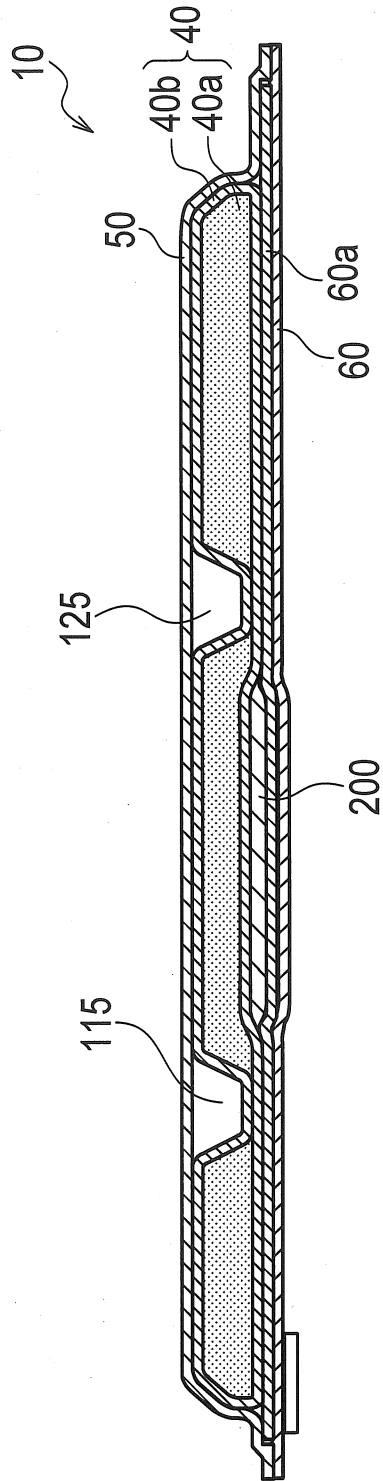


FIG. 4

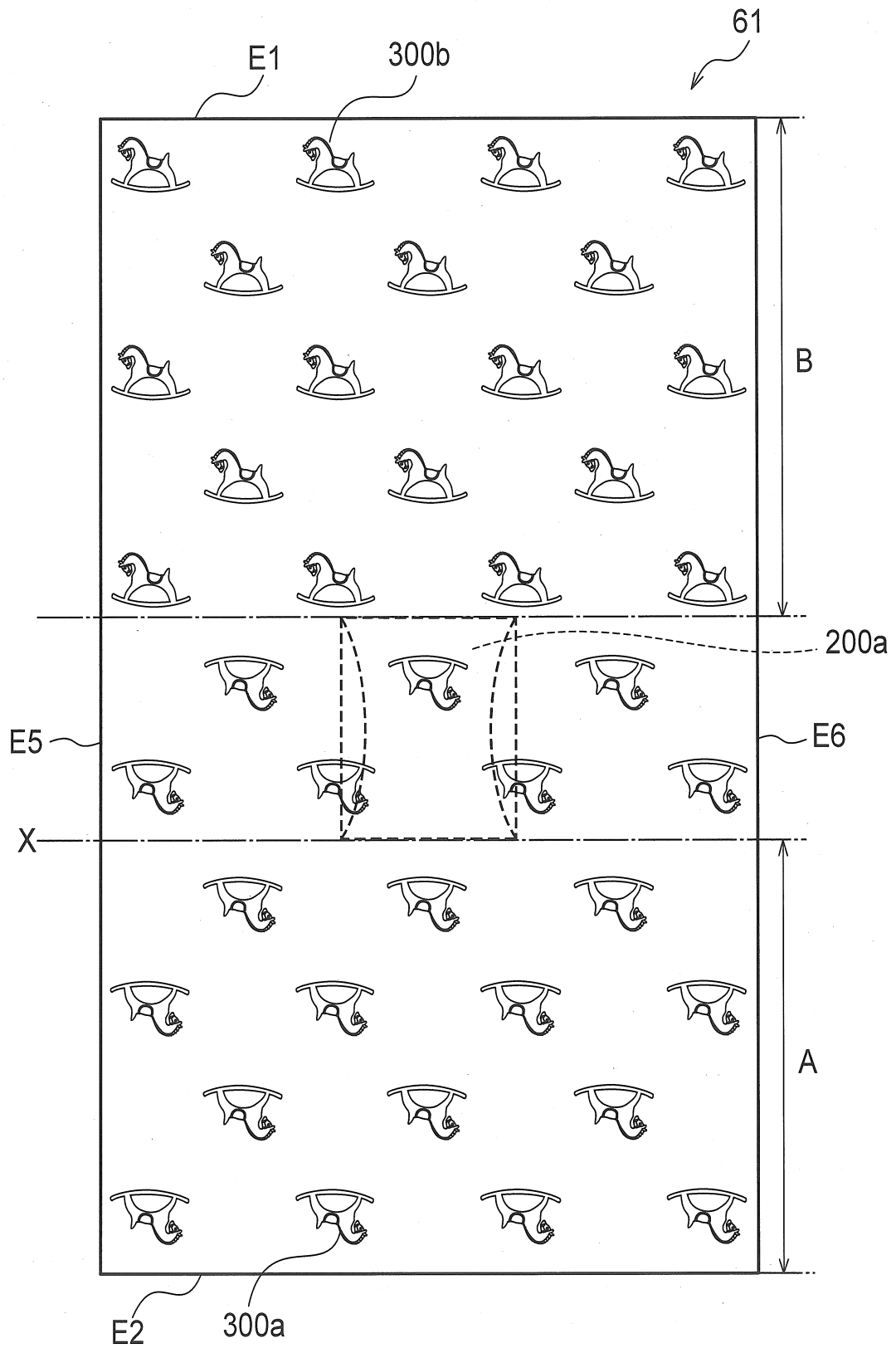


FIG. 5

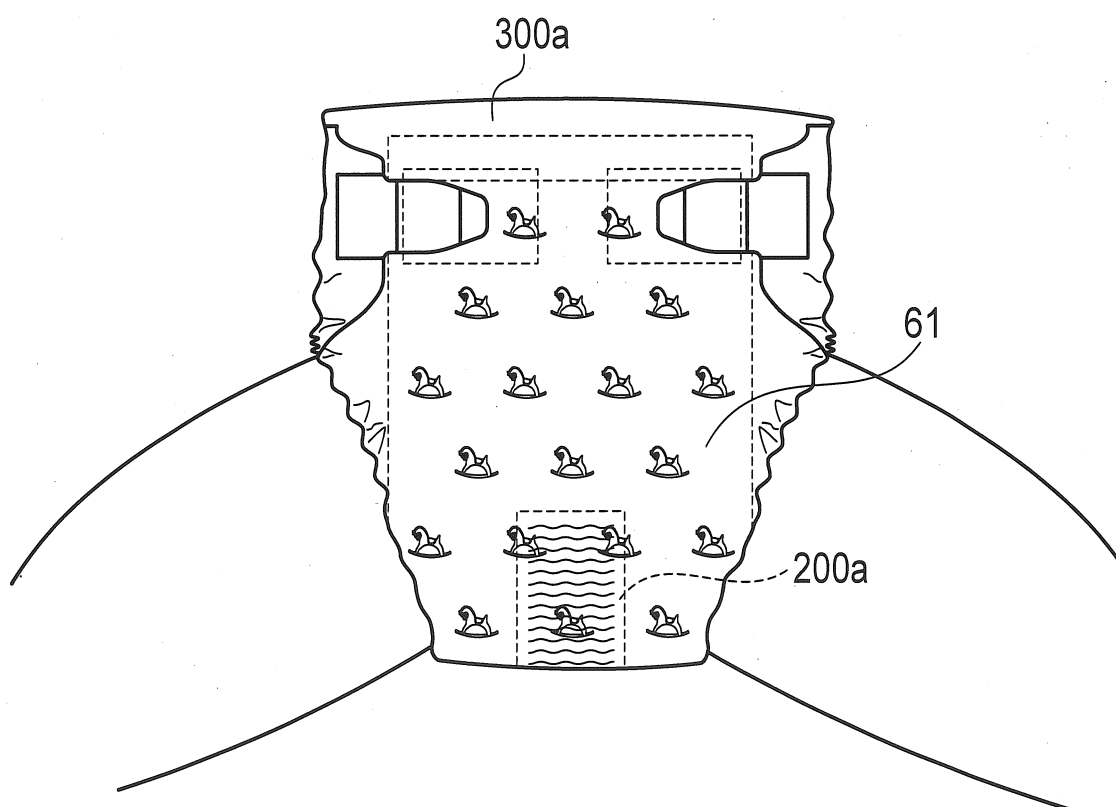


FIG. 6

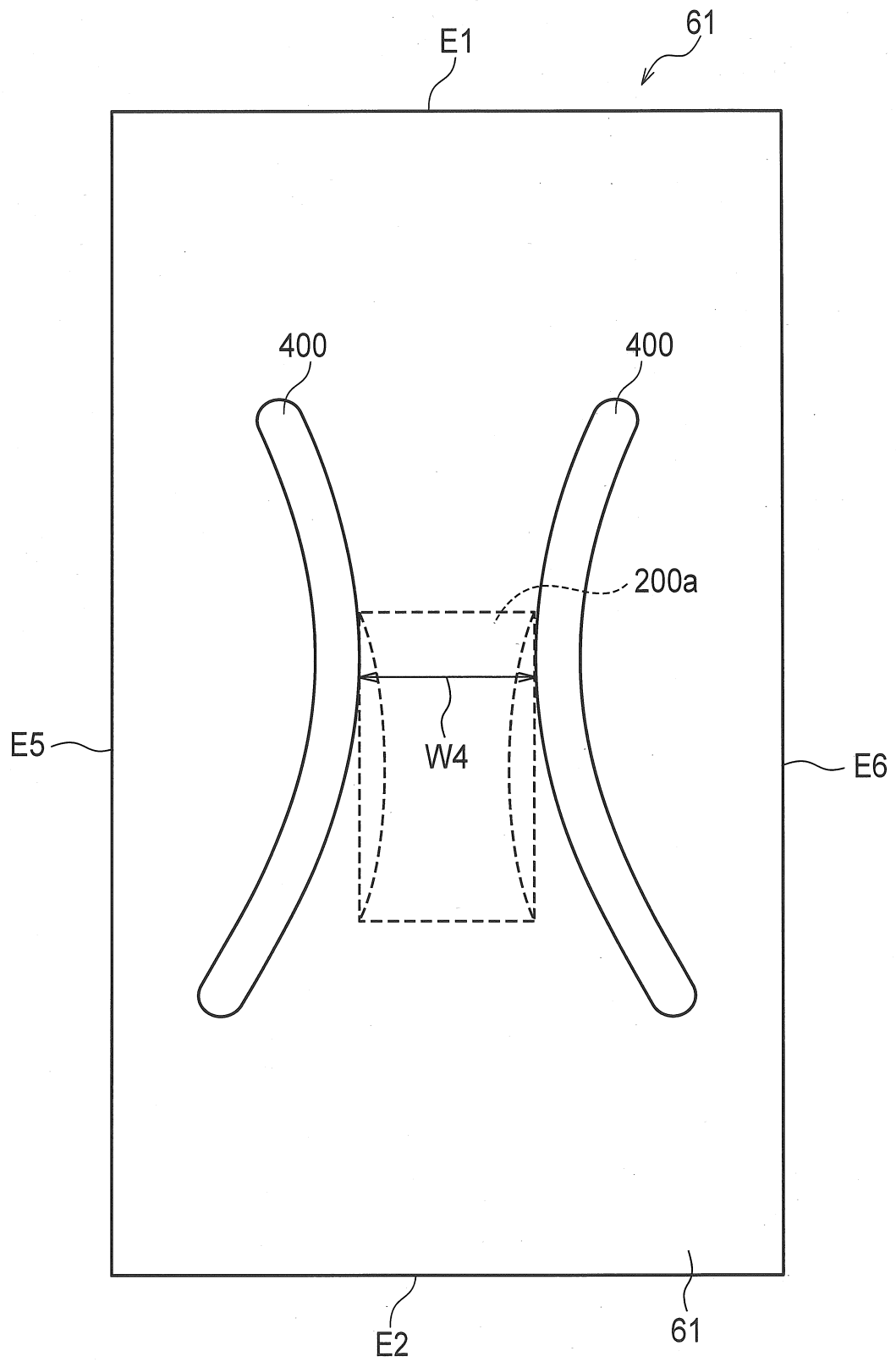


FIG. 7

